

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

# BẢN CÁO BẠCH

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THÀNH AN 96

(Giấy chứng nhận ĐKDN số: 0400100545 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 09/01/2008, thay đổi lần 6 ngày 05/02/2015)

### NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

### TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số: .../SGD...-QĐ do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày .... tháng .... năm 2015)

**BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:**

#### CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THÀNH AN 96



Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Văn Trỗi - P.Hoà Thuận Đông - Q.Hải Châu – TP. Đà Nẵng

Điện thoại: (84-4) 0511 3615 330

Fax: (84-4) 0511 3615 334

#### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội



Điện thoại: (84-4) 3556 2875 Fax: (84-4) 3556 2874

Chi nhánh: 49 Tôn Thất Đạm, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3820 9986 Fax: (84-8) 3820 9993

#### PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: **Nguyễn Thị Huyền**

Chức vụ: Nhân viên tài chính

Điện thoại: 0934 7000 26

Fax: 0511. 3615.333

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THÀNH AN 96

(Giấy chứng nhận ĐKDN số: 0400100545 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 09/01/2008, thay đổi lần 6 ngày 05/02/2015)

(Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng  
Điện thoại: 05113.615330, Fax: 05113.615334, E-mail: xaylap96@yahoo.com.vn,  
Website: www.xaylap96.vn)

## NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

### TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

<b>Tên cổ phiếu:</b>	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây lập Thành An 96
<b>Loại cổ phiếu:</b>	Cổ phiếu phổ thông
<b>Mã cổ phiếu:</b>	TA9
<b>Mệnh giá:</b>	10.000 đồng/cổ phiếu
<b>Tổng số lượng niêm yết:</b>	5.115.800 cổ phần (Năm triệu, một trăm mười lăm nghìn, tám trăm cổ phần).
<b>Tổng giá trị niêm yết:</b> (Tính theo mệnh giá)	51.158.000.000 đồng (Năm mươi một tỷ, một trăm năm mươi tám triệu đồng)
<b>Tổ chức kiểm toán:</b>	<b>Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam</b> Trụ sở: Tầng 8 cao ốc Văn phòng VG Building Số 235 Nguyễn Trãi – Quận Thanh Xuân – TP Hà Nội ĐT: 04. 3783 2121 Fax: 04. 3783 2122
<b>Tổ chức tư vấn:</b>	<b>Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam</b> Trụ sở: 306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội ĐT: 04. 3556 2875 Fax: 04. 3556 2874 Website: www.vietinbanksc.com.vn <b>Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</b> Địa chỉ: 49 Tôn Thất Đạm, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh ĐT: 08. 3820 9987 Fax: 08. 3820 0921

# MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO .....	4
1. Rủi ro về kinh tế.....	4
2. Rủi ro về luật pháp .....	7
3. Rủi ro đặc thù ngành .....	7
4. Rủi ro khác .....	8
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH...9	
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	10
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT .....	11
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	11
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty .....	15
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty .....	18
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông của Công ty:.....	19
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức Đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức Đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức Đăng ký niêm yết. ....	21
6. Hoạt động kinh doanh .....	22
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh .....	33
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành.....	35
9. Chính sách đối với người lao động .....	36
10. Chính sách cổ tức.....	38
11. Tình hình hoạt động tài chính .....	38
12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng .....	49
13. Tài sản .....	67
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo .....	69
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên .....	71
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty .....	71
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty .....	71
V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT .....	72
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT .....	76
VII. PHỤ LỤC.....	77

## I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

### 1. Rủi ro về kinh tế

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế như: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 cũng như các doanh nghiệp khác là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế nên cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ sự thay đổi của những nhân tố đó. Khi nền kinh tế trong chu kỳ tăng trưởng, các yếu tố vĩ mô được kiểm soát tốt, sức cầu tăng mạnh là động lực thúc đẩy các doanh nghiệp phát triển, ngược lại khi kinh tế suy thoái, lãi suất, lạm phát tăng cao... là lực cản không nhỏ tác động đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.

#### *Tốc độ tăng trưởng kinh tế*

Tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế là một trong những yếu tố tác động trực tiếp đến cung cầu của các doanh nghiệp, nếu tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế quốc dân cao sẽ góp phần tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong đó có Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh doanh và ngược lại.

Ngày 11/01/2007, Việt Nam chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), đánh dấu sự hội nhập của nền kinh tế Việt Nam vào nền kinh tế thế giới. Song hành cùng các cơ hội đối với các doanh nghiệp Việt Nam là những tác động tiêu cực từ nền kinh tế thế giới. Cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008 trên toàn cầu đã tác động mạnh vào nền kinh tế Việt Nam. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2008 giảm còn 6,23% trong khi tỷ lệ lạm phát tăng cao lên đến 19,9%. Thời gian qua, kinh tế thế giới mặc dù đang phục hồi và có những chuyển biến tích cực, song nhìn chung chưa thực sự ổn định và còn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất lợi tác động đến kinh tế nước ta.

Năm 2012 mức tăng trưởng kinh tế đạt thấp so với các năm trước là do tình hình kinh tế - xã hội trong nước vẫn tiếp tục bị ảnh hưởng từ diễn biến phức tạp của kinh tế toàn cầu cùng với việc thắt chặt tài khóa và tiền tệ trong nước để kiềm chế lạm phát nên gặp nhiều khó khăn, nhiều ngành, lĩnh vực gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm. Sản xuất công nghiệp chiếm tỷ trọng lớn nhưng kết quả tăng thấp. Tuy nhiên, với sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân cả nước nền kinh tế - xã hội có những chuyển biến tích cực và đúng hướng. Kinh tế vĩ mô nhìn chung ổn định. Tăng trưởng ở mức hợp lý. Lạm phát được kiềm chế. Sản xuất công nghiệp phát triển với những dấu hiệu phục hồi, hàng tồn kho có xu hướng giảm. Sản xuất nông nghiệp và hoạt động kinh doanh của khu vực dịch vụ giữ ổn định.

Trong năm 2013 tình hình nền kinh tế đã có những cải thiện nhất định. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê Việt Nam tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2013 ước tính tăng 5,42% so với năm 2012, trong đó quý I tăng 4,76%; quý II tăng 5,00%; quý III tăng 5,54%;

quý IV tăng 6,04%. Mức tăng trưởng năm 2013 tuy thấp hơn mục tiêu tăng 5,5% đề ra nhưng cao hơn mức tăng của năm 2012 và có tín hiệu phục hồi. Trong mức tăng 5,42% của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,67%, xấp xỉ mức tăng năm trước, đóng góp 0,48 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,43%, thấp hơn mức tăng 5,75% của năm trước, đóng góp 2,09 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 6,56%, cao hơn mức tăng 5,9% của năm 2012, đóng góp 2,85 điểm phần trăm.

Năm 2014, Chính phủ đã xác định mục tiêu tổng quát của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2014 là tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát; tăng trưởng hợp lý và nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế trên cơ sở đẩy mạnh thực hiện ba đột phá chiến lược gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế... Theo số liệu của Tổng cục Thống kê Việt Nam công bố ngày 27/12/2014, GDP năm 2014 tăng 5,98% so với năm 2013, trong đó quý I tăng 5,06%, quý II tăng 5,34%, quý III tăng 6,07%. Mức tăng trưởng năm 2014 cao hơn mức tăng 5,25% của năm 2012 và mức tăng 5,42% của năm 2013 cho thấy dấu hiệu tích cực của nền kinh tế.

Bước sang năm 2015, Chính phủ và Nhà nước tiếp tục ban hành nhiều văn bản và chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, tạo điều kiện thuận lợi phát triển sản xuất, kinh doanh, đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế ... trong đó trọng tâm là Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 03/01/2015 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2015 và Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia 2 năm 2015 - 2016. Nhờ sự nỗ lực trong cải cách thủ tục hành chính, cải cách thể chế và tái cơ cấu kinh tế, đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo, tranh thủ và tận dụng mọi cơ hội nên hoạt động sản xuất kinh doanh quý I năm nay của hầu hết các ngành, lĩnh vực đạt kết quả khả quan. GDP quý I tăng 6,03% so với cùng kỳ năm 2014, đây là mức tăng cao nhất của quý I trong 05 năm qua (Nguồn: Website Tổng cục thống kê Việt Nam - <http://gso.gov.vn/default.aspx?tabid=512&idmid=5&ItemID=14253>)

### **Lãi suất**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có sử dụng đến kênh huy động vốn từ tín dụng và chịu lãi suất sử dụng vốn vay, khi đó, chỉ cần một sự biến động nhỏ về lãi suất trong chiến lược điều hành chính sách tiền tệ của Nhà nước cũng có thể ảnh hưởng đến chi phí tài chính và lợi nhuận của Công ty.

Trong năm 2012, Ngân hàng Nhà nước đã 5 lần hạ trần lãi suất huy động VNĐ từ 14%/năm xuống còn 8%/năm. Bước sang năm 2013, để hỗ trợ các doanh nghiệp tiết giảm chi phí và thúc đẩy nền kinh tế phục hồi, Ngân hàng Nhà nước đã liên tục ban hành các quyết định cắt giảm lãi suất, kể từ ngày 28/6/2013, lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 01

tháng đến dưới 06 tháng giảm còn 7,0%/năm, đồng thời trần lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên giảm xuống còn 9%/năm.

Từ đầu năm 2014 đến nay, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục tích cực triển khai các giải pháp tiền tệ, tín dụng ngân hàng theo mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý, bảo đảm thanh khoản của các tổ chức tín dụng và nền kinh tế. Ngày 28/12/2014, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Quyết định số 2173/QĐ-NHNN quy định mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-NHNN ngày 17/03/2014, theo đó, mức lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng là 1%/năm, mức lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng là 5,5%/năm; riêng Quỹ tín dụng nhân dân và Tổ chức tài chính vi mô áp dụng mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng là 6,0%/năm. Đồng thời, ngày 28/10/2014, Ngân hàng Nhà nước cũng đã ban hành Quyết định số 2174/QĐ-NHNN về mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế theo quy định tại Thông tư số 08/2014/TT-NHNN ngày 17/03/2014, theo đó, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VNĐ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (trừ Quỹ tín dụng nhân dân và Tổ chức tài chính vi mô) áp dụng mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam là 7%/năm; lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VNĐ của Quỹ tín dụng nhân dân và Tổ chức tài chính vi mô đối với các nhu cầu vốn này giảm xuống còn 8%/năm.

### ***Lạm phát***

Lạm phát thường xảy ra do hai nguyên nhân chính là chi phí đẩy hoặc cầu kéo. Tổng cầu gia tăng do sự gia tăng của tiêu dùng hộ gia đình, chi tiêu Chính phủ, đầu tư và thay đổi rơng từ hoạt động xuất nhập khẩu.

Với mục tiêu tiếp tục kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô trong năm 2012, Ngân hàng Nhà nước đã tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt và bước đầu đã thu được những kết quả trong việc kiềm chế lạm phát. Điều này được thể hiện qua việc CPI Quý I năm 2012 chỉ tăng 2,55% so với tháng 12 năm 2011, thậm chí xảy ra giảm phát trong tháng 6/2012 (-0,26%) và tháng 7/2012 (-0,29%). Kết thúc năm 2012, CPI chỉ tăng 6,81% so với cùng kỳ, thấp hơn nhiều so với mức tăng 18,58% của năm 2011.

Sau khi lạm phát được kiềm chế ở mức 6,81% trong năm 2012, chỉ số giá tiêu dùng năm 2013 tiếp tục được kiểm soát. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12/2013 tăng 0,51% so với tháng trước và tăng 6,04% so với tháng 12/2012. Đây là năm có chỉ số giá tiêu dùng tăng thấp

nhất trong 10 năm trở lại đây. Trong năm 2014, chỉ số giá tiêu dùng bình quân mỗi tháng tăng 0,15%, chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2014 tăng 4,09% so với bình quân năm 2013. Năm 2015, CPI bình quân quý I tăng 0,74% so với bình quân cùng kỳ năm 2014, đây là mức tăng thấp nhất trong 10 năm trở lại đây.

Mặc dù lạm phát trong thời gian qua luôn được kiểm chế nhưng dưới tác động của lạm phát, các chi phí đầu vào phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 như chi phí điện, nước, ... đều có xu hướng gia tăng, qua đó phần nào gây ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

## **2. Rủi ro về luật pháp**

Là một công ty Cổ phần đại chúng hoạt động dưới sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán cùng với hệ thống pháp luật chung, lại chịu sự quản lý ngành và tác động của các chính sách đặc thù trong lĩnh vực kinh doanh của Công ty nên bất kỳ việc ban hành hoặc thay đổi chính sách, quy định mới, ... của Nhà nước, nhất là những điều chỉnh liên quan đến hoạt động của ngành đều có thể ảnh hưởng tới Công ty. Mặc dù trong những năm qua, Việt Nam đã cố gắng xây dựng một môi trường pháp lý tương đối ổn định, cơ sở pháp lý về hoạt động đặc thù ngành cũng như các quy định trên thị trường chứng khoán cũng được điều chỉnh hoàn thiện hơn, tuy nhiên vẫn còn khá nhiều bất cập và vẫn đang tiếp tục được điều chỉnh đòi hỏi Công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật để kịp thời áp dụng các quy định mới, đảm bảo tuân thủ pháp luật. Song song đó, những sự thay đổi về chính sách ưu đãi đối với ngành xây dựng và bất động sản sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Công ty luôn luôn cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp. Ngoài ra, các chuẩn mực kế toán, kiểm toán mới vẫn đang từng bước xây dựng và hoàn chỉnh nên Công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật để kịp thời áp dụng các quy định mới, đảm bảo công tác hạch toán theo đúng pháp luật.

## **3. Rủi ro đặc thù ngành**

Hoạt động của Công ty hiện ở chủ yếu ở lĩnh vực chính là xây dựng công trình giao thông và nhà ở các loại, Công ty phải chịu một số rủi ro đặc thù của ngành như sau:

Rủi ro về thị trường: Đặc thù của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng là nhu cầu vốn lớn, thời gian thi công các dự án, công trình thường kéo dài. Nếu chủ đầu tư phải duy trì hệ số nợ cao và thời gian chiếm dụng vốn vay dài. Như vậy, Công ty trong vai trò là chủ đầu tư có thể phải đối mặt với rủi ro lãi suất và rủi ro thanh khoản. Những đặc thù của ngành có thể sẽ gây ra rủi ro giảm khả năng thanh toán và giảm lợi nhuận dự kiến của Công ty.

Rủi ro về vốn: Khả năng đảm bảo vốn tự có tối thiểu, các chỉ số tài chính hoặc các cam kết tài chính ở những dự án hạ tầng lớn có thể thay đổi. Mặc dù trong quá khứ Công ty đáp ứng được những yêu cầu này nhưng trong tương lai Công ty có thể gặp nhiều khó khăn trong việc đảm bảo yêu cầu về vốn. Nếu không đáp ứng được các yêu cầu này, khả năng thắng thầu sẽ thấp và có thể gây ảnh hưởng đến tài chính và kết quả hoạt động của Công ty.

Rủi ro về nguyên vật liệu: Công ty hiện cũng đối mặt với rủi ro về sự biến động giá cả thị trường và nguồn cung cấp nguyên vật liệu không ổn định. Tình hình biến động giá cả và nguồn cung cấp các nguyên liệu đầu vào quan trọng của Công ty như nhựa đường, xăng dầu, sắt thép, cát, đá, sỏi, xi măng, ... đều ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong hoạt động xây dựng cơ bản, thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, quá trình bàn giao và nghiệm thu cần nhiều thủ tục dẫn đến tiến độ giải ngân vốn thường chậm, qua đó ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình tài chính của các công ty xây dựng, đặc biệt là tình hình công nợ và dòng tiền hoạt động.

Tuy nhiên hiện nay, Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 tập trung khai thác khách hàng trong ngành quốc phòng và các công trình hạ tầng biển đông hải đảo, là các đơn vị có nguồn tài chính ổn định, do vậy việc thanh toán luôn được ưu tiên đảm bảo đúng tiến độ.

Với những đặc điểm trên, yếu tố rủi ro đặc điểm kinh doanh của Công ty được hạn chế tối đa.

#### **4. Rủi ro khác**

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lụt, hoả hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố,... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Bão lớn, hoả hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến các công trình xây dựng như làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại (phá huỷ một phần hoặc hoàn toàn)...

Ngoài ra, Công ty có thể gặp phải các rủi ro trong quá trình thi công như: Tai nạn lao động hay các sự cố máy móc làm ảnh hưởng đến quá trình thi công. Để hạn chế tối đa rủi ro thiệt hại, Công ty thường xuyên tổ chức tập huấn công tác đảm bảo an toàn vệ sinh, lao động trong quá trình thi công, Tuyên truyền, tập huấn vệ sinh an toàn lao động thông qua các hình thức như tổ chức Hội thi giữa các đơn vị, diễn tập... .Tham gia đóng đầy đủ các loại phí bảo hiểm cho cán bộ công nhân viên và mua bảo hiểm máy móc, bảo hiểm công trình,



## II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### 1. Tổ chức niêm yết - Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96

Đại diện:

Ông: **Võ Cửu Long** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông: **Hoàng Đức Trúc** - Chức vụ: Giám đốc

Ông: **Đỗ Văn Thành** - Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Bà: **Trịnh Thị Thu Hương** - Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### 2. Tổ chức tư vấn - Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

Đại diện:

Ông: **Nguyễn Minh Giang** - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Theo Giấy Ủy quyền số 09/UQ-CKCT do Tổng Giám đốc công ty ký ngày 21/04/2015).

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 cung cấp.

### III. CÁC KHÁI NIỆM

**Trong Bản cáo bạch này, các từ hoặc nhóm từ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:**

- Công ty/ Tổ chức niêm yết : Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96
- Tổ chức tư vấn/VietinBankSc : Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT : Hội đồng Quản trị
- CTCP : Công ty cổ phần
- CPXL : Cổ phần xây lắp
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- SGDCK : Sở giao dịch chứng khoán
- CMND : Chứng minh nhân dân
- CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- ĐKDN : Đăng ký doanh nghiệp
- BKS : Ban Kiểm soát
- BGĐ : Ban Giám đốc
- KTT : Kế toán trưởng
- BCTC : Báo cáo tài chính
- CA : Công an
- DT : Doanh thu
- XL : Xây lắp
- CNVQP : Công nhân viên quốc phòng
- DTT : Doanh thu thuần
- LN : Lợi nhuận
- SXKD : Sản xuất kinh doanh
- QL : Quản lý
- XN : Xí nghiệp
- TP : Thành phố
- DN : Doanh nghiệp
- CCDV : Cung cấp dịch vụ
- HĐKD : Hoạt động kinh doanh
- XDCB : Xây dựng cơ bản
- LĐHĐ : Lao động hợp đồng
- TS : Tài sản
- TSCĐ : Tài sản cố định
- TSLĐ : Tài sản lưu động
- Tổng công ty Thành An : Tổng công ty Thành An – Công ty TNHH MTV

## IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

#### 1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 tiền thân là Xí nghiệp 96 trực thuộc Tổng Công ty Thành An – Bộ Quốc Phòng được chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo quyết định số 3073/QĐ-BQP ngày 25/10/2007 của Bộ Quốc Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy CNĐKDN số 0400100545 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09 tháng 01 năm 2008, thay đổi lần 6 ngày 05/02/2015. Với số vốn điều lệ ban đầu là 17.110.000.000 đồng. Năm 2013 công ty đã thực hiện tăng vốn lên 51.158.000.000 đồng. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu là thực hiện các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, đê đập, bến cảng, công trình cấp thoát nước, công trình bưu chính viễn thông, các công trình phục vụ Quốc phòng, an ninh... Công ty từng bước mở rộng thị trường xây lắp từ địa bàn miền Trung ra thị trường miền Bắc và miền Nam. Công ty hoạt động với phương châm nâng cao chất lượng công trình là yếu tố hàng đầu để tồn tại và phát triển. Các công trình thi công đều đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn và được các chủ đầu tư đánh giá cao là yếu tố thành công của Thành An 96.

Trong những năm qua Công ty đã nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của Đảng uỷ, chỉ huy Binh đoàn 11 và các cơ quan chức năng cấp trên. Đồng thời với tinh thần tích cực, chủ động, sáng tạo của Ban lãnh đạo, sự nỗ lực phấn đấu của Cán bộ, chiến sỹ và người lao động trong Công ty qua các thời kỳ, Công ty đã vượt qua mọi khó khăn thử thách, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ và xây dựng đơn vị ngày càng phát triển vững chắc, đã khẳng định được năng lực cạnh tranh và vị thế của Công ty trong cơ chế thị trường.

#### 1.2. Giới thiệu Công ty

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THÀNH AN 96**
- Tên tiếng Anh: Thanh An 96 Installation and Construction Joint Stock Company
- Tên viết tắt: Continta 96 jsc
- Biểu tượng: 
- Người đại diện theo pháp luật: **Ông Hoàng Đức Trúc** – Giám đốc Công ty
- Trụ sở chính: Số 02 Nguyễn Văn Trỗi – Phường Hòa Thuận Đông - Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng

- Điện thoại: 0511.3 615 330
- Fax: 0511.3 615 334
- Email: xaylap96@yahoo.com.vn
- Website : www.xaylap96.vn
- Giấy CN ĐKDN: Số 0400100545 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 09/01/2008; thay đổi lần 6 ngày 05/02/2015.
- Vốn điều lệ đăng ký: 51.158.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 51.158.000.000 đồng
- Mã số thuế: 0400100545
- Mã CK: TA9
- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi, thủy điện; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Khai thác gỗ; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Cho thuê xe có động cơ; Gia công cơ khí xử lý và tráng phủ kim loại; Khai thác, quản lý và cung cấp nước; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Thí nghiệm vật liệu xây dựng; Và các hoạt động kinh doanh khác theo nội dung giấy phép kinh doanh.

### 1.3. Quá trình tăng vốn của Công ty

Thời gian	Vốn điều lệ (đồng)	Giá trị tăng (đồng)	Phương thức	Cơ sở pháp lý
09/01/2008	17.110.000.000	-	Cổ phần hóa	Quyết định số 3073/QĐ-BQP ngày 25/10/2007 của Bộ Quốc phòng
Lần 1 08/7/2013	51.158.000.000	34.048.000.000	phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu để chào bán cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHCĐ số 01/NQ-ĐHCĐ ngày 28/3/2014 - Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán

Thời gian	Vốn điều lệ (đồng)	Giá trị tăng (đồng)	Phương thức	Cơ sở pháp lý
				<p>cổ phiếu ra công chúng số 19/GCN- UBCK ngày 8/7/2013 của UBCKNN</p> <p>- Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng cổ phiếu CTCP Xây lắp Thành An 96 số 153/CV-CT96 ngày 24/08/2013</p> <p>- Giấy chứng nhận ĐKDN số 0400100545 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 19/09/2013</p>

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96)

#### ❖ Các thành tích đạt được

Hoạt động sản xuất kinh doanh được xác định là nhiệm vụ trọng tâm của Công ty, do đó Hội đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty tập trung lãnh đạo một cách toàn diện. Công ty chú trọng mở rộng thị trường phát huy thế mạnh, đưa công nghệ tiên tiến vào sản xuất kinh doanh. Trong quá trình điều hành và lãnh đạo bộ máy Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh gặp không ít khó khăn, thử thách do tác động của nền kinh tế thế giới nói chung và điều kiện cụ thể trong nước còn một số hạn chế, nhưng Công ty đã cố gắng chấp hành tốt chính sách, luật pháp của Nhà nước; sử dụng có hiệu quả nguồn vốn của Công ty; thực hiện nộp Ngân sách Nhà nước hàng năm đều vượt chỉ tiêu. Công ty luôn được đánh giá là đơn vị có tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh, rõ ràng. Công ty từng bước mở rộng thị trường xây lắp từ địa bàn miền Trung ra thị trường miền Bắc, thị trường miền Nam. Công ty hoạt động với phương châm nâng cao chất lượng công trình là yếu tố hàng đầu để tồn tại và phát triển. Các công trình thi công đều đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn và được các chủ đầu tư đánh giá cao là yếu tố thành công của Thành An 96.

❖ **Các danh hiệu Công ty đã đạt được:**

Trong những năm qua với tinh thần tích cực, chủ động, sáng tạo của lãnh đạo, Chỉ huy Công ty, sự nỗ lực phấn đấu của Cán bộ, chiến sỹ và người lao động trong Công ty qua các thời kỳ, Công ty đã vượt qua mọi khó khăn thử thách, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ và xây dựng đơn vị ngày càng phát triển vững chắc, đã khẳng định được năng lực cạnh tranh và vị thế của Công ty trên thị trường, được chủ đầu tư tin tưởng và đánh giá cao. Với những thành tích xuất sắc đó, tháng 8-2011, Công ty đã được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng Nhì. Đồng chí Đại tá Võ Cửu Long, Chủ tịch HĐQT, kiêm Giám đốc Công ty cũng được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì. Ngoài ra, trong năm 2010 Công ty được Bộ Xây dựng tặng cờ “Đơn vị đạt chất lượng cao công trình sản phẩm xây dựng Việt Nam”.

❖ **Chứng nhận chất lượng:**

<b>DANH SÁCH CÁC CÔNG TRÌNH CÓ CHỨNG NHẬN ĐẠT HUY CHƯƠNG VÀNG VÀ BẰNG CHẤT LƯỢNG CAO SẢN PHẨM VIỆT NAM</b>			
<b>STT</b>	<b>TÊN CÔNG TRÌNH</b>	<b>Chất lượng chứng nhận</b>	<b>Năm chứng nhận</b>
1	Nhà hành chính Công ty DK Đông Xuân - Hà Nội	Huy chương vàng	2005
2	Nhà chỉ huy điều hành Bệnh viện 87 - BQP	Huy chương vàng	2006
3	Nhà N.12 Tiểu đoàn học viện trung cấp kỹ thuật trường SQ Chỉ huy kỹ thuật thông tin	Bằng chất lượng cao	2006
4	Nhà trụ sở 5 tầng Sở tài chính Quảng Bình	Huy chương vàng	2008
5	TT đăng kí giao dịch, tài sản thành phố Đà Nẵng	Huy chương vàng	2008
6	Nhà lớp học số 2 trường Chính trị Quảng Bình	Huy chương vàng	2008
7	Nhà làm việc khối mặt trận và đoàn thể	Bằng chất lượng cao	2008

	thành phố Pleiku - Gia Lai		
8	Nhà khám, điều trị nội ngoại trú và kỹ thuật nghiệp vụ N.3 Bệnh viện 211 - QĐ3	Bằng chất lượng cao	2008
9	Đơn vị được tặng cờ và năg khen đảm bảo chất lượng năm 2008	Quyết định số 1404/QĐ - BCĐCTCLC ngày 3/12/2008	2008
10	Nhà hiệu bộ Trường Đại học Quảng Bình	Huy chương vàng	2009
11	Khoa điều dưỡng và phục hồi chức năng Bệnh viện 175 - BQP	Huy chương vàng	2009
12	03 Nhà sinh viên thuộc dự án thành phần Đại học QG TP Hồ Chí Minh GD1 - Đầu tư trung tâm giáo dục quốc phòng	Bằng chất lượng cao	2009
13	Đơn vị được tặng cờ đảm bảo chất lượng năm 2009	Quyết định số 377/QĐ - BCĐCTCLC ngày 29/3/2009	2009
14	Nhà ở tiểu đoàn 1 , Lữ đoàn 144 ( Nhà C9 )- Khu C Bộ chỉ huy Cơ quan Bộ quốc phòng	Huy chương vàng	2010
15	Quyết định của Chủ tịch nước tặng huân chương lao động Hạng nhì cho đơn vị	Huân chương lao động hạng nhì	2010
16	Danh hiệu thi đua chất lượng cao ngành xây dựng năm 2010	Quyết định số 151/QĐ-BCĐCLC ngày 9/2/2011	2010

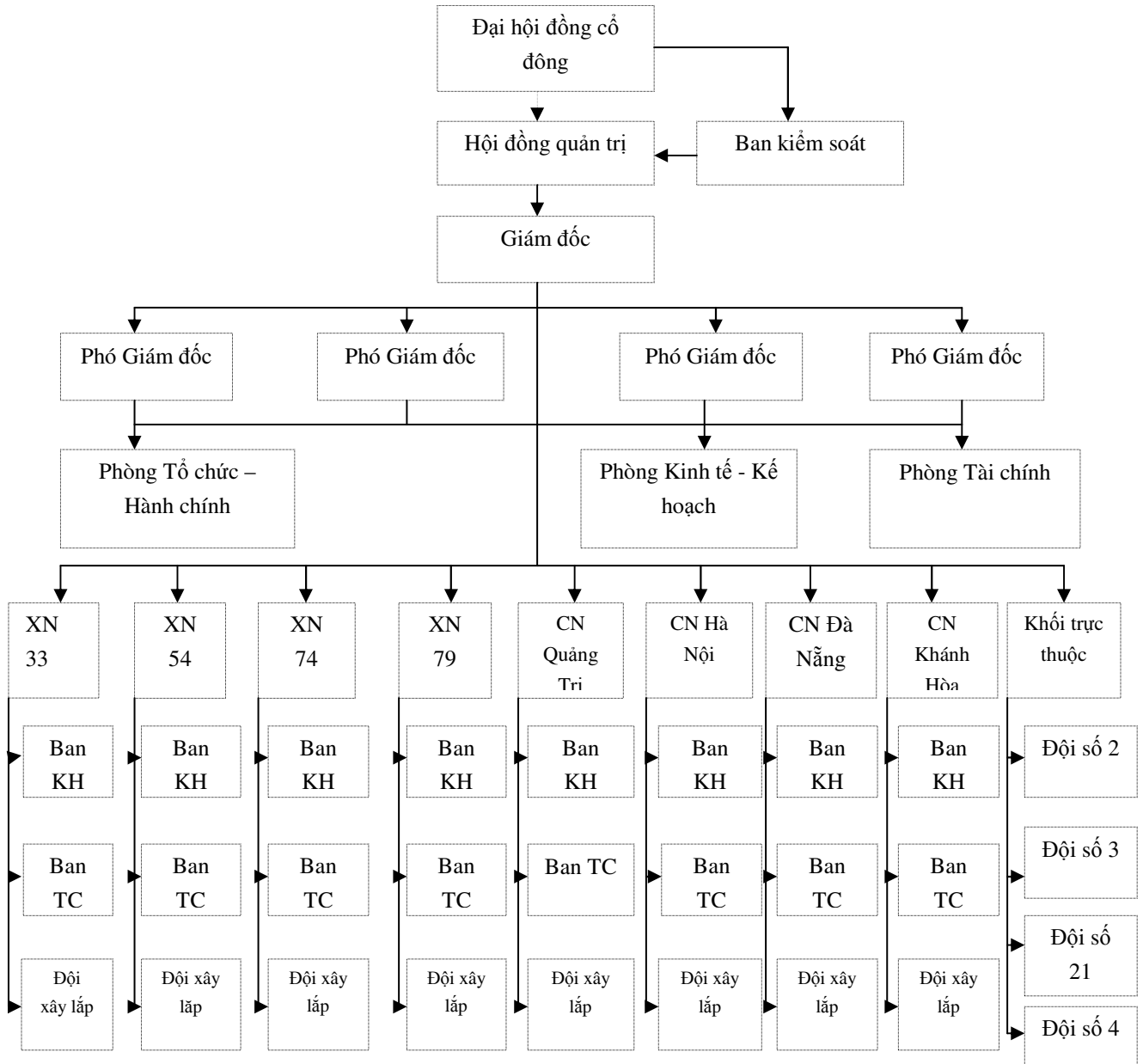
(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96)

## 2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty cổ phần xây lắp Thành An 96 thiết lập cơ cấu tổ chức phù hợp với đặc điểm tình hình kinh doanh, bao gồm cả cơ chế trao đổi thông tin nội bộ và phân công các cán bộ với

quyền hạn và trách nhiệm rõ ràng. Bên cạnh đó, Công ty cũng xem xét và cải tiến liên tục hệ thống quản trị Công ty nhằm triển khai có hiệu quả các chính sách nhằm đạt được các mục tiêu đề ra.

**Sơ đồ tổ chức**



(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây lập Thành An 96)



**Cơ cấu tổ chức của Công ty theo mô hình công ty cổ phần bao gồm:**

- Đại hội đồng cổ đông
- Ban Kiểm soát
- Hội đồng quản trị
- Ban Giám đốc
- Các Phòng chuyên môn thuộc Công ty
- Các xí nghiệp, chi nhánh và đội xây lắp

**❖ Đại hội đồng cổ đông:**

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu đều được tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm 1 lần. Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do hội đồng quản trị quy định tùy từng thời điểm. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Cổ đông sẽ tham gia báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và kế hoạch tổ chức cho năm tài chính tiếp theo.

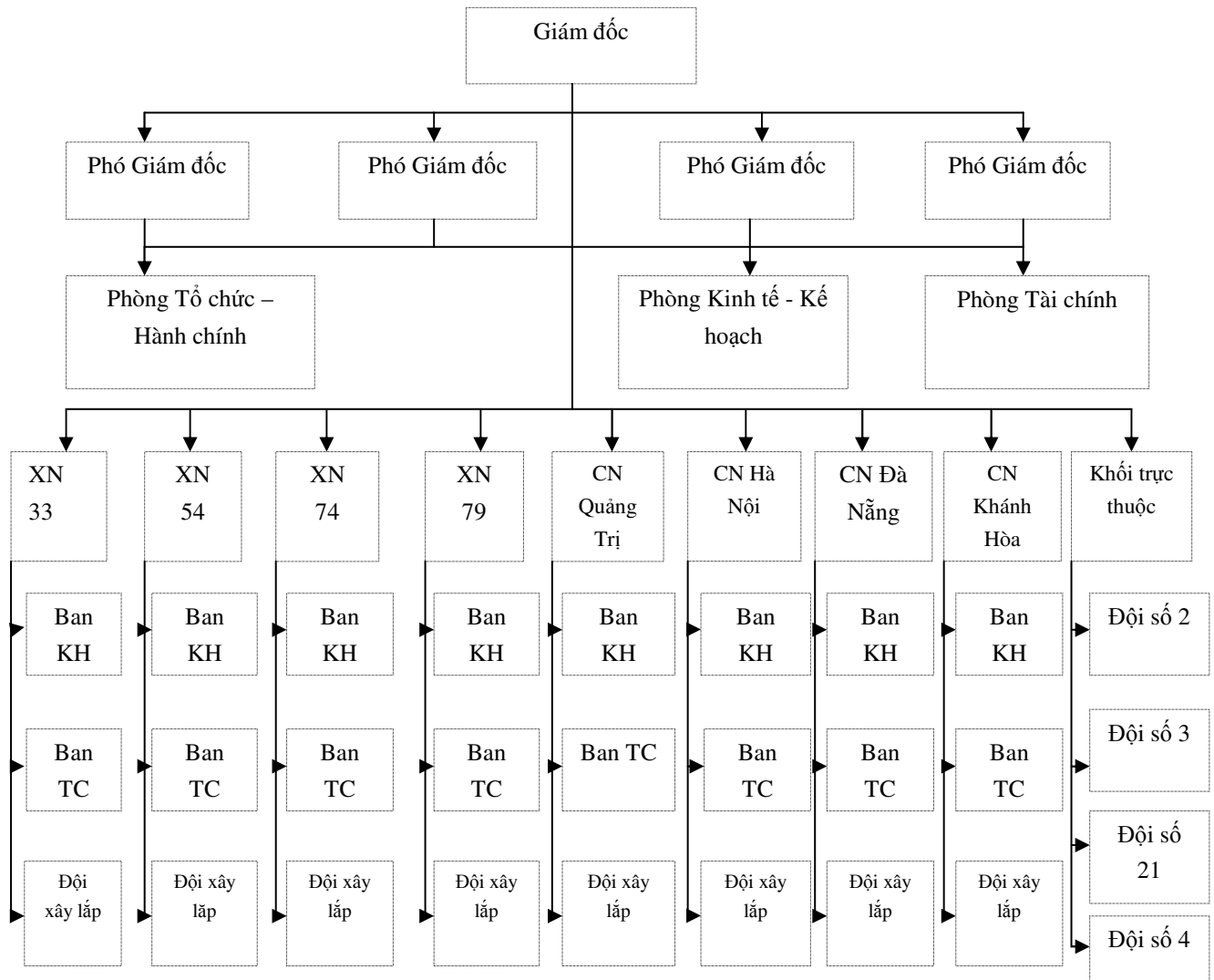
**❖ Hội đồng Quản trị:**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, chịu trách nhiệm triển khai các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị có quyền quyết định và thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế và tuân theo nguyên tắc kế thừa.

**❖ Ban Kiểm soát:**

Ban Kiểm soát có 03 thành viên. Ban Kiểm soát có nhiệm kỳ 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Ban Kiểm soát là cổ đông trong Công ty, do Đại hội đồng cổ đông bầu trực tiếp bằng hình thức bỏ phiếu kín. Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát của Đại hội đồng cổ đông, có quyền kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Công ty.

### 3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96)

#### ❖ Ban Giám đốc:

##### *Giám đốc điều hành*

Giám đốc được Hội đồng quản trị bổ nhiệm và là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

##### *Các phó Giám đốc*

Các Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc điều hành trong các lĩnh vực được phân công, các Phó Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Công ty.

❖ **Các phòng ban chức năng của công ty:**

- **Phòng Kinh tế - Kế hoạch:** Tổ chức mối quan hệ, xúc tiến, tìm kiếm việc làm. Đối với công tác quản lý lao động tiền lương, an toàn lao động. Kiểm tra và duy trì công tác ATLĐ, công tác tổ chức biên chế, sắp xếp, điều động nhân lực theo yêu cầu, nhiệm vụ.  
Về công tác dự án – đấu thầu: tiếp thị, khai thác và mở rộng thị trường. Lập hồ sơ dự thầu. Đối với công tác kỹ thuật, chất lượng, lập ra biện pháp tổ chức thi công các công trình lớn do tổng công ty giao. Quản lý toàn bộ hồ sơ, thiết kế kỹ thuật thi công, dự toán, thanh toán của các công trình trong công ty.
- **Phòng tài chính:** Thực hiện công tác kế toán, tài chính, thống kê, hướng dẫn kiểm tra tài chính đơn vị. Đảm bảo công tác hạch toán độc lập, toàn diện của doanh nghiệp. Đảm bảo nguồn tài chính, phục vụ kịp thời, đáp ứng tiến độ thi công, chống ách tắc, thừa thiếu...
- **Phòng tổ chức hành chính:**
  - + Là cơ quan đảm nhiệm công tác Đảng, công tác chính trị ở cấp Lữ đoàn, hoạt động dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng ủy và sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cấp trên.
  - + Đảm bảo công tác quản lý cán bộ, công tác hậu cần, quản lý doanh trại, các công tác quần chúng, quản lý hành chính văn phòng.
- **Các đơn vị sản xuất trực thuộc (các xí nghiệp, đội, công trường):** Chức năng thi công, xây lắp trong các lĩnh vực xây dựng dân dụng, công nghiệp, các công trình giao thông vận tải, các công trình kỹ thuật hạ tầng. Nhiệm vụ căn cứ hướng dẫn lập kế hoạch hàng năm của công ty để tự cân đối các yếu tố kế hoạch của đơn vị mình và bảo vệ trước công ty. Tuân thủ các chế độ lao động tiền lương của công ty. Quản lý chất lượng công trình theo đúng quá trình, quy phạm hiện hành và các yêu cầu của chủ đầu tư...  
Với mô hình tổ chức sản xuất, tổ chức như trên, công ty có điều kiện quản lý chặt chẽ tới từng đội, từng công trường, đồng thời tăng hiệu quả sản xuất, thi công. Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao.

**4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông của Công ty:**

**4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty**

**Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 25/02/2015**

Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ĐKDN	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
Tổng công ty Thành An - Công ty TNHH một thành viên	141 Hồ Đắc Di – Phường Nam Đồng – Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội	0100108663	2.609.058	51,0%
Đại diện sở hữu:				
Ông Võ Cửu Long	02 Nguyễn Văn Trỗi, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	201676863	1.043.622	20,4%
Ông Nguyễn Ngọc Huệ	44 Duy Tân, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	201642375	521.812	10,2%
Ông Phạm Văn Lê	508 Nguyễn Tri Phương-Hải Châu-TP Đà Nẵng	201642475	521.812	10,2%
Ông Hoàng Đức Trúc	Phường Hòa Hải - Ngũ Hành Sơn - Đà Nẵng	201623431	521.812	10,2%
<b>Tổng cộng</b>			<b>2.609.058</b>	<b>51,0%</b>

(Nguồn: Danh sách cổ đông do Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 chốt tại 25/02/2015)

**4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ**

**Danh sách cổ đông sáng lập theo giấy phép ĐKDN số 0400100545 cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 05/02/2015**

Cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKDN	Số cổ phần sở hữu	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
Tổng công ty Thành An – Công ty TNHH một thành viên	141 Hồ Đắc Di – Phường Nam Đồng – Quận Đống Đa - Thành	0100108663	2.609.058	26.090.580.000	51

Cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKDN	Số cổ phần sở hữu	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
	phố Hà Nội				
<b>Tổng cộng</b>			<b>2.609.058</b>	<b>26.090.580.000</b>	<b>51</b>

(Nguồn: Giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần thứ 6 ngày 05/02/2015 CTCP Xây lập Thành An 96)

*Ghi chú:* Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần lần đầu vào ngày 09/01/2008. Theo quy định tại Khoản 5, Điều 84, Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, tính đến thời điểm hiện nay cổ đông sáng lập của Công ty không còn bị hạn chế chuyển nhượng.

#### 4.3. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 25/02/2015

##### Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 25/02/2015

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ
<b>I</b>	<b>CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC</b>			
1	Tổng công ty Thành An – Công ty TNHH MTV	1	2.609.058	51,00%
<b>II</b>	<b>CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC</b>	<b>303</b>	<b>2.506.742</b>	<b>49,00%</b>
	- Tổ chức:	1	10.362	0,20%
	- Cá nhân:	302	2.496.380	48,80%
<b>III</b>	<b>CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0%</b>
	- Tổ chức:	0	0	0%
	- Cá nhân:	0	0	0%
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>304</b>	<b>5.115.800</b>	<b>100,00</b>

(Nguồn: Danh sách cổ đông do Công ty Cổ phần Xây lập Thành An 96 chốt tại 25/02/2015)

#### 5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức Đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức Đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi

**phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức Đăng ký niêm yết.**

- **Những Công ty mà tổ chức Đăng ký niêm yết đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:**

Không có

- **Công ty mẹ hoặc công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết**

Tổng Công ty Thành An – Công ty TNHH một thành viên

- Trụ sở chính : Số 141, đường Hồ Đắc Di, Phường Nam Đồng ,Quận Đống Đa, Hà Nội
- Vốn điều lệ : 500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng)
- Tỷ lệ sở hữu tại CTCP Xây lập Thành An 96: 2.609.058 cổ phần với tổng giá trị cổ phần 26.090.580.000 đồng tương ứng tỷ lệ 51% /vốn điều lệ
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0100108663 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/03/2011 cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 23/08/2012.
- Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác, xây dựng các công trình đường sắt, sản xuất xi măng, khai thác cát, sỏi. Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài. Kinh doanh bất động sản...

## 6. Hoạt động kinh doanh

### 6.1. Sản phẩm dịch vụ chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được chia thành 02 nhóm bao gồm: Hoạt động xây dựng; Hoạt động cung cấp dịch vụ (cho thuê xe máy, thí nghiệm vật liệu công trình). Trong đó, hoạt động xây dựng vẫn là hoạt động truyền thống và chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu của Công ty qua các năm.

Cơ cấu doanh thu thuần và lợi nhuận gộp theo từng mảng hoạt động của Công ty năm 2013 - 2014 và quý I năm 2015 như sau:

#### Cơ cấu doanh thu thuần giai đoạn 2013 – 2014 và quý I năm 2015

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Tỷ lệ tăng/ giảm năm 2014/2013	Quý I năm 2015	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT		Giá trị	Tỷ trọng/DDT
1. Doanh thu thuần							
cung cấp dịch vụ	250	0,02%	201	0,01%	-19,60%	-	0%

2. Doanh thu thuần							
hợp đồng xây dựng	1.072.556	99,98%	1.551.067	99,99%	44,61%	164.565	100%.
<b>Tổng</b>	<b>1.072.806</b>	<b>100%</b>	<b>1.551.268</b>	<b>100%</b>	<b>44,60%</b>	<b>164.565</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2014 và BCTC quý I năm 2015 của CTCP Xây lập Thành An 96)

Qua bảng trên, có thể thấy doanh thu thuần của Công ty bao gồm doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ và doanh thu thuần từ các hợp đồng xây dựng. Trong 02 năm 2013, 2014, Doanh thu thuần của Công ty chủ yếu tập trung vào các hợp đồng xây dựng công trình của quân đội (Công trình Đường cơ động phía Đông Nam Đảo Lý Sơn - Gói 6 của Bộ chỉ huy quân sự Quảng Ngãi, Công trình Chung cư N06- Khu đô thị Cam Ranh- Khánh Hòa/Quân chủng hải quân của Bộ tư lệnh Hải quân,...) và công trình ngoài quân đội (Công trình Giao thông số 6 nạo vét luồng và khu neo đậu tàu và san nền thuộc Dự án TS-01 của Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên, Công trình Trụ sở tỉnh ủy Quảng Bình của Văn phòng tỉnh ủy Quảng Bình,...), tỷ trọng doanh thu thuần từ các hợp đồng này chiếm tới hơn 99% trên tổng doanh thu thuần. Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ (cho thuê xe máy, thí nghiệm công trình) chiếm một tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu thuần (không quá 0,02%). Đồng thời, trong giai đoạn này, doanh thu thuần cung cấp dịch vụ có xu hướng giảm khi doanh thu hoạt động này của Công ty năm 2013 giảm 19,6% so với năm 2014, trong khi đó, doanh thu thuần hợp đồng xây dựng tăng 44,61%.

Sang quý I năm 2015, Doanh thu thuần của Công ty vẫn chủ yếu là từ các hợp đồng xây dựng trong và ngoài quân đội. Mức doanh thu thuần của quý I năm 2015 là 164.565 triệu đồng, chiếm 100% Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ.

### Cơ cấu lợi nhuận gộp giai đoạn 2013 – 2014 và quý I năm 2015

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Tỷ lệ tăng/ giảm năm 2014/2013	Quý I năm 2015	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
1. Lợi nhuận gộp từ hoạt động cung cấp dịch vụ	-	0%	-	0%	0%	-	0%
2. Lợi nhuận gộp từ các hợp đồng xây dựng	80.344	7,49%	95.812	6,18%	19,25%	13.204	8,02%
<b>Tổng lợi nhuận gộp</b>	<b>80.344</b>	<b>7,49%</b>	<b>95.812</b>	<b>6,18%</b>	<b>19,25%</b>	<b>13.204</b>	<b>8,02%</b>

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2014 và BCTC quý I năm 2015 của CTCP Xây lập Thành An 96)

Qua bảng trên có thể thấy, trong giai đoạn 2013 – 2014, lợi nhuận gộp từ các hợp đồng xây dựng đóng góp 100% lợi nhuận gộp của Công ty và có xu hướng tăng (năm 2014 tăng 19,25% so với năm 2013), tuy nhiên tỷ trọng lợi nhuận gộp trên DTT của Công ty có xu hướng giảm (từ 7,49% năm 2013 xuống 6,18% năm 2014). Trong giai đoạn này, lợi nhuận gộp từ các hợp đồng xây dựng tăng 45,56%, Công ty không thu được lợi nhuận gộp từ hoạt động cung cấp dịch vụ.

Sang quý I năm 2015, lợi nhuận gộp từ các hợp đồng xây dựng vẫn tiếp tục đóng góp chính cho lợi nhuận gộp của Công ty khi lợi nhuận gộp từ hợp đồng xây dựng ở mức 13.204 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 8,02% so với doanh thu thuần. Sự tăng trưởng vượt bậc lợi nhuận gộp trong quý I năm 2015 đến từ doanh thu từ các hợp đồng xây dựng có giá trị lớn, trong khi đó các chi phí đầu vào ảnh hưởng đến giá thành thấp, năng suất lao động tăng, nâng cao chất lượng sản phẩm. Đồng thời, doanh nghiệp đã chủ động sử dụng vốn hợp lý và kiểm soát tốt chi phí hình thành nên giá thành sản phẩm.

➤ **Hoạt động xây dựng**

Công ty hiện đang cung cấp dịch vụ xây lắp cho các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, đê đập, bến cảng, công trình cấp thoát nước, công trình phục vụ quốc phòng, an ninh...



Một số hình ảnh về các công trình mà Công ty thi công, hoàn thành, bàn giao



**Công trình Sở Chỉ huy Sư đoàn  
BB2**



**Nhà làm việc khối mặt trận và  
đoàn thể Gia Lai**



**Công trình 189**



**Công an tỉnh Gia Lai**



**Nhà khách BCHQS Quảng Bình**



**Hội trường sư 315**

➤ **Hoạt động kinh doanh từ cung cấp dịch vụ**

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ bao gồm cho thuê xe máy và thí nghiệm chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu được phản ánh từ những hoạt động kinh doanh của Công ty dưới 1%.

## 6.2. Nguyên vật liệu

### ▪ Nguồn nguyên vật liệu

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là xây lắp công trình dân dụng, công trình quốc phòng nên nguyên liệu chủ yếu phục vụ cho hoạt động của Công ty là xi măng, sắt thép, đá sỏi... và các nguyên liệu phục vụ cho việc vận hành máy móc, thiết bị xây lắp.

### ▪ Sự ổn định của nguồn cung cấp nguyên vật liệu

Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu đầu vào rất quan trọng vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản phẩm và lợi nhuận của Công ty. Do nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nguyên liệu ổn định với chi phí thấp nên Công ty đã chủ động trong việc ký kết hợp đồng với các nhà cung cấp nhằm đảm bảo nguồn cung nguyên liệu ổn định phục vụ cho quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty mua nguyên vật liệu đầu vào phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh từ các nhà cung cấp có uy tín ở trong nước như:

STT	Tên nhà cung cấp	Loại nguyên liệu	Xuất xứ
1	Công ty CP Xi măng Cosevco	Xi măng	Việt Nam
2	Chi nhánh CTCP KK Miền Trung	Sắt thép	Việt Nam, Úc
3	Công ty CP XNK Nhân Hòa	Vận chuyển và cung cấp đá	Việt Nam
4	Công ty TNHH Vũ Hoàng Long	Xi măng	Việt Nam
5	Công ty TNHH Kim Sơn	Thuê máy	Việt Nam
6	Công ty TNHH Nguyễn Việt	Thiết bị điện	Việt Nam, Nhật
7	Doanh nghiệp TN Nhân Lợi	Gạch ốp, thiết bị nước	Việt Nam, Nhật
8	Công ty TNHH Duy Thịnh	Vật liệu xây dựng	Việt Nam, Nhật
9	Công ty TNHH TBPT Hòa Phát	Máy thi công	Việt Nam, Nhật
10	Công ty TNHH Hưng Thịnh	Sắt thép	Việt Nam, Úc
11	Công ty TNHH Thăng Lợi	Sắt thép	Việt Nam, Úc
12	Công ty TNHH XD&TM Lam Hồng	Gạch xây dựng	Việt Nam
13	Tiệm điện Phát Đạt	Thiết bị điện	Việt Nam, Nhật
14	Công ty TNHH MTV Văn Khanh	Vật liệu xây dựng	Việt Nam

(Nguồn: CTCP Xây lắp Thành An 96)

### ▪ Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu lợi nhuận

Do Công ty có ngành nghề kinh doanh chủ yếu là xây lắp công trình nên để hoàn thành được dự án, công trình cần nhiều chi phí để hoàn tất quá trình xây dựng, trong đó chi phí lớn nhất là chi phí nguyên vật liệu. Chính vì vậy, giá cả của nguyên vật liệu có ảnh hưởng nhất định đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp.

Trong vài năm gần đây, giá xăng dầu trên thế giới và trong nước có nhiều biến động. Sự biến động này khiến hầu như tất cả các loại hàng hóa khác cũng biến động do chi phí đầu vào thay đổi. Tuy nhiên, Công ty đã hạn chế được tối đa sự ảnh hưởng này đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty bằng việc chủ động nguồn nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua việc ký kết hợp đồng cung cấp nguyên vật liệu với các nhà cung cấp có uy tín.

### 6.3. Chi phí sản xuất

#### Chi phí sản xuất kinh doanh giai đoạn 2013-2014 và quý I năm 2015

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Tỷ lệ tăng/ giảm năm 2014/2013	Quý I năm 2015	
	Giá trị	Tỷ lệ <sup>(*)</sup>	Giá trị	Tỷ lệ <sup>(*)</sup>		Giá trị	Tỷ lệ <sup>(*)</sup>
1. Giá vốn hàng bán	992.461	93,81%	1.455.456	95,34%	46,65%	151.361	95,44%
2. Chi phí bán hàng	-	0%	-	0%	0%	-	0%
3. Chi phí quản lý DN	51.809	4,90%	57.366	3,76%	10,73%	6.901	4,35%
4. Chi phí tài chính	8.709	0,82%	9.327	0,61%	7,10%	326	0,21%
5. Chi phí khác	4.970	0,47%	4.456	0,29%	-10,34%	-	0%
<b>Tổng chi phí</b>	<b>1.057.949</b>	<b>100%</b>	<b>1.526.605</b>	<b>100%</b>	<b>44,30%</b>	<b>158.588</b>	<b>100%</b>

<sup>(\*)</sup> Tỷ lệ trên tổng chi phí

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC quý I năm 2015 của CTCP Xây lắp Thành An 96)

Công ty cổ phần Xây lắp Thành An 96 hoạt động chủ yếu trong lĩnh xây lắp nên các yếu tố về chi phí có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, Ban Giám đốc Công ty đã không ngừng đẩy mạnh công tác quản lý, chủ động kiểm soát chi phí, kịp thời điều phối và luân chuyển vốn nhằm mục đích tiết kiệm, tránh lãng phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty hiệu quả.

Trong giai đoạn 2013 – 2014, giá vốn hàng bán của Công ty tăng 46,64%, tổng chi phí tăng 44,3%. Tỷ trọng giá vốn hàng bán trên tổng chi phí qua các năm 2013, 2014 lần lượt là 93,81% và 95,34%. Như vậy, có thể thấy tỷ trọng giá vốn hàng bán được duy trì ổn định xung quanh mức 95% trên tổng chi phí. Để đạt được tỷ lệ này, Ban Lãnh đạo Công ty đã kịp thời đưa ra

những biện pháp phòng ngừa rủi ro biến động giá nguyên liệu, cải tiến công nghệ sản xuất, nghiên cứu và đưa vào ứng dụng các quy trình sản xuất mới, hiện đại để giảm giá thành sản xuất.

Đặc biệt, Công ty không có chi phí bán hàng do Công ty chủ yếu thực hiện các công trình phục vụ quốc phòng và được chỉ định thầu. Điều này tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2014 tăng 10,73% so với năm 2013, tuy nhiên tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng chi phí của Công ty duy trì dưới 5%. Ngoài ra các chi phí tài chính và chi phí khác đều được duy trì ở mức thấp (dưới 1%) trên tổng chi phí. Điều này thể hiện Công ty đã thực hiện quản lý chi phí tốt, giảm thiểu tối đa các chi phí không cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

#### **6.4. Trình độ công nghệ**

Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 được biết đến như là một trong những đơn vị thi công xây dựng công nghệ hàng đầu của Bộ Quốc phòng. Với những yêu cầu khắc khe về mặt kỹ thuật cũng như đảm bảo tiến độ thi công. Do vậy, ngoài việc sở hữu một đội ngũ cán bộ giàu kinh nghiệm Thành An 96 còn phải trang bị các máy móc thiết bị thi công hiện đại có độ chính xác cao. Từ đó Thành An 96 có thể thi công các công trình đòi hỏi cao về an toàn lao động, tiến độ thi công và chất lượng công trình.

Thành An 96 có khả năng thi công nền móng của các nhà cao tầng theo phương pháp tường chắn BARRETTE và cọc nhồi. Ngoài ra, Công ty đã tạo được sự khác biệt là đơn vị đi đầu trong việc tiếp nhận, phát triển công nghệ san lấp lán biển. Một số công trình điển hình cho việc áp dụng công nghệ mới này như Công trình kè chắn sóng bảo vệ bến Tranh đảo Cồn Cỏ – Quảng Trị, Công trình cơ sở hạ tầng đảo Bé và Kè chống sạt lở đảo Lý Sơn – Quảng Ngãi, Công trình Đê chắn sóng và kết hợp bến cập tàu 600 CV Cô Tô - Quảng Ninh, Công trình Trụ sở làm việc Cục Thuế tỉnh Quảng Bình...

#### **6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới**

Với kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực xây lắp và xây dựng, cùng với các trang thiết bị hiện đại, nguồn nguyên vật liệu tốt và ổn định nên chất lượng sản phẩm của Công ty trong thời gian qua được khách hàng đánh giá cao và là thương hiệu có uy tín trên thị trường.

Ý thức được đầu tư, phát triển sản phẩm mới là giải pháp hàng đầu mang lại lợi ích tiềm năng lớn cho Công ty. Trong các năm qua, Công ty đã không ngừng nghiên cứu cải tiến phương tiện sản xuất, chuẩn hóa phương pháp thi công để đẩy nhanh tiến độ, tiết kiệm chi phí công trình, chất lượng công trình vẫn được đảm bảo, được Chủ đầu tư đánh giá cao, cụ thể như sau:

- Nghiên cứu để áp dụng các công nghệ mới, kỹ thuật mới, các biện pháp cải tiến để nâng cao chất lượng của các công trình thi công phục vụ khách hàng;
- Nghiên cứu việc sử dụng các loại máy móc, trang thiết bị mới, hiện đại vào quá trình sản xuất, thi công;
- Đầu tư, nghiên cứu để sản xuất các loại vật liệu tiên tiến phục vụ xây lắp như: vật liệu bê tông nhẹ, bê tông đúc sẵn.

## **6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ**

Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 luôn ý thức được quản lý chất lượng sản phẩm là yếu tố đặc biệt quan trọng quyết định khả năng tiêu thụ sản phẩm của Công ty. Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 – 2008.

Công ty đã xây dựng và tổ chức bộ phận chịu trách nhiệm kiểm tra chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam đối với tất cả các sản phẩm/dịch vụ của Công ty. Theo đó, Giám đốc Công ty là người phê duyệt cuối cùng, người kiểm tra trực tiếp là Phó giám đốc và trưởng phòng Kinh tế - kế hoạch.

Bên cạnh đó, Công ty cũng hoàn thiện chính sách chất lượng theo những chương trình hoạt động cụ thể sau:

- Không ngừng nâng cao chất lượng thiết kế, chất lượng quản lý thi công các công trình xây lắp, các gói thầu để đáp ứng kịp thời những đòi hỏi của chủ đầu tư và nâng cao khả năng đấu thầu của Công ty;
- Đảm bảo thực hiện tốt công tác đào tạo đội ngũ nhân viên, để nhân viên có đủ năng lực và kỹ năng cần thiết nhằm thực hiện tốt công việc được giao;
- Công ty luôn tìm kiếm cơ hội cải tiến chất lượng dịch vụ cung ứng, hướng đến các tiêu chí an toàn, chính xác, hiệu quả.

## **6.7. Hoạt động Marketing**

Mỗi công ty đều xây dựng cho mình một thương hiệu riêng, là yếu tố để xác định vị thế của công ty trên thị trường và mang một sứ mệnh quan trọng hàng đầu quyết định sự thành công của công ty. Nhận thức được điều này, ngay từ những ngày đầu thành lập, Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 đã đầu tư xây dựng thương hiệu để củng cố và phát triển vị thế của Công ty trên thị trường.

Công tác Marketing luôn được Công ty lên kế hoạch và ngân sách thực hiện ngay từ đầu năm. Các hoạt động Marketing của Công ty bao gồm:

- Quảng cáo qua các phương tiện thông tin đại chúng như báo chí, truyền hình...
- Tổ chức các buổi gặp gỡ tiếp xúc khách hàng...
- Xây dựng và thực hiện tốt chiến lược tiếp thị sản phẩm, các chính sách chăm sóc khách hàng, mang lại sự hài lòng về sản phẩm dịch vụ do Công ty cung cấp tới khách hàng...

## 6.8. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

### Logo Công ty:



Logo Công ty được ban hành kèm theo Quyết định số 1051 ngày 02/09/2012 của Tổng giám đốc Tổng Công ty Thành An – Công ty TNHH MTV. Cụ thể:

### *Màu sắc Logo*

- Màu nền: Màu vàng tươi
- Màu viền: Màu đỏ cờ
- Biểu tượng hai chữ số 11: Màu đỏ cờ
- Hai chữ cái T, A và dòng chữ THÀNH AN 96: Màu trắng
- Ngôi sao 5 cánh: Màu trắng

### *Ý nghĩa*

- Logo được thiết kế dựa trên ý tưởng hình chữ nhật, thể hiện sự cân đối, vững chắc, khỏe khoắn, phù hợp với kiểu dáng các biểu tượng tạo hình trên logo, tạo nên sự thống nhất, hài hòa của một tác phẩm nghệ thuật. Biểu tượng số “11” được viết tắt bởi tên quân sự Binh đoàn 11. Vị trí của hai số 1 được đặt cách điệu số đứng sau cao hơn số trước cho thấy xu hướng phát triển. Hai số 1 ghép với nhau thành một số 1 lớn hơn thể hiện Binh đoàn 11 không ngừng vươn lên để xứng đáng là một trong những đơn vị quân đội đầu tiên làm nhiệm vụ xây dựng cơ bản, xây dựng các công trình quốc phòng phục vụ kháng chiến bảo vệ tổ quốc cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay.

- Hai chữ “T” & “A” là chữ cái viết tắt tên dân sự của Binh đoàn 11 được lồng trong số 11 thể hiện Binh đoàn 11 là tiền thân của Tổng Công ty Thành An. Tổng công ty Thành An được trưởng thành từ cội nguồn và nội lực của một đơn vị quân đội. Chữ số 11 giống như đôi cánh bay cách điệu nâng tầm Tổng công ty Thành An vững bước đi lên.

- Màu vàng chủ đạo của nền logo thể hiện sự phì nhiêu và phồn vinh nói lên sự phát triển của Binh đoàn 11 trên nền tảng nguồn nhân lực tài năng, chuyên nghiệp, hiệu quả là tài sản vô giá giúp đơn vị phát triển lâu bền và phồn thịnh.

- Màu đỏ tượng trưng cho khát vọng và nhiệt tình cách mạng, thể hiện sức mạnh kỷ luật của một đơn vị quân đội.

- Màu trắng mang đến sự hoàn thiện và tạo cảm giác an tâm, tin tưởng trong nội bộ cũng như trong hợp tác cùng phát triển với đối tác

- Dòng chữ Thành An 96 là tên viết tắt của Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96.

Toàn bộ Logo toát lên hình ảnh của một đơn vị năng động, sáng tạo, quyết tâm vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh tế quốc phòng.

## 6.9. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

### Thông tin về các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết của Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96

#### Một số Hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

STT	Tên công trình	Giá trị HĐ/ Quy mô dự án (đồng)	Chủ đầu tư	Kế hoạch hoàn thành
1	Chung cư N06- Khu đô thị Cam Ranh- Khánh Hòa/QCHQ	77.306.868.000	BTL Hải Quân	11/2014
2	Xây dựng trụ sở Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh Quảng Bình	42.779.983.000	Sở KH & ĐT Quảng Bình	07/2015
3	Gói thầu số 12: Kè chống xói lở biển đảo Phú Quý- Bình Thuận	136.977.208.000	BQL DA huyện Phú Quý	12/2015
4	Đường cơ động phía đông nam đảo Lý Sơn(Giai đoạn 2)- Quảng Ngãi	221.100.302.000	BCH QS tỉnh Quảng Ngãi	12/2015
5	Công trình kè chống xói lở bờ biển đảo Phú Quý- Gói 4	197.272.339.000	Ban QLDA huyện Phú Quý	Từ tháng 12/2011 Đến 01/2015
6	GT số 9: Kè chống		UBND huyện Đảo	Từ tháng 12/2012 Đến

STT	Tên công trình	Giá trị HD/ Quy mô dự án (đồng)	Chủ đầu tư	Kế hoạch hoàn thành
	xói lở đảo Cồn Cỏ	227.233.168.000	Cồn Cỏ	tháng 12/2015
7	GT số 6 nạo vét luồng và khu neo đậu tàu+san nền thuộc DA TS-01	328.814.665.000	Tổng công ty Thủy Sản Việt Nam- Công ty TNHH MTV	Từ tháng 04/2013 đến tháng 08/ 2014
8	Gói thầu số 11: Thi công kè chắn đất và công trình bảo vệ đảo thuộc DA TS01	106.210.828.000	Tổng Công ty Thủy Sản VN- Công ty TNHH MTV	01/08/2015
9	Gói thầu số 12: Thi công bến cập tàu 200CV; Bến cập tàu 400CV; bến tạm; Triền tàu; Thi công đê chắn sóng kết hợp Bến cập tàu 1000T thuộc DA TS01	831.378.023.000	Tổng Công ty Thủy Sản VN- Công ty TNHH MTV	03/09/2014 đến 03/09/2016
10	Gói 6: Nạo vét lòng hồ, luồng tàu; gia công, vận chuyển, lắp đặt thiết bị hàng hải đảo Tốc Tan, Núi Le (bao gồm di chuyển thiết bị thi công)DA ĐTXD : Cải tạo lòng hồ, mở luồng, lắp đặt thiết bị hàng hải tại các hồ Tốc Tan, Núi Le	162.979.512.000	Bộ Tư lệnh Hải Quân	12/2015
11	Sửa chữa nâng cấp Âu thuyền xã đảo Tân Hiệp	52.470.991.000	BQL dự án Xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển xã đảo Tân Hiệp	Từ tháng 08/2012 đến tháng 09/2014

(Nguồn: CTCP Xây lập Thành An 96)



## 7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

### 7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm

#### Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2013-2014 và quý I năm 2015

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2013	Năm 2014	% Tăng/giảm	Quý I năm 2015
1. Tổng giá trị tài sản	519.855.423.806	706.038.923.526	35,81%	658.686.008.708
2. Vốn chủ sở hữu	62.102.888.523	69.205.727.068	11,44%	73.927.872.375
3. DTT bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.072.805.959.232	1.551.268.251.125	44,6%	164.564.960.408
4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	20.517.787.686	29.865.189.946	45,56%	6.054.032.445
5. Lợi nhuận khác	326.816.544	587.684.689	79,82%	-
6. Lợi nhuận trước thuế	20.844.604.230	30.452.874.635	46,09%	6.054.032.445
7. Lợi nhuận sau thuế	15.633.453.172	23.676.128.483	51,45%	4.722.145.307
8. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	45,51%	54,02%		-
9. Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH bình quân	32,81,%	36,06%		6,39%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và Quý I năm 2015 CTCP Xây lập Thành An 96)

Năm 2014, nền kinh tế Việt Nam tuy có phục hồi nhưng vẫn còn chậm, khó khăn trong sản xuất kinh doanh chưa được giải quyết triệt để, những yếu kém của nền kinh tế chậm được khắc phục. Tuy nhiên hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2014 đã có những bước khởi sắc so với năm 2013 khi Tổng tài sản Công ty tăng 35,81% (từ 519 tỷ đồng lên 706 tỷ đồng) do công ty đầu tư một lượng lớn máy móc thiết bị phục vụ thi công.

Doanh thu thuần tăng 44,6% do năm 2014, Công ty đã ký kết và triển khai thực hiện các hợp đồng có giá trị lớn, nhờ đó doanh thu, lợi nhuận cũng tăng cao, lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2014 tăng 51,45% so với năm 2013 và lãi cơ bản trên một cổ phiếu ở mức khá, đạt 4.628 đồng/cổ phiếu.

Hết quý I năm 2015, lợi nhuận sau thuế đạt 4.722 tỷ đồng, đạt 17,31% kế hoạch năm 2015.

## 7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2014

### *Thuận lợi*

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Đảng ủy chỉ huy Binh đoàn 11, hướng dẫn của các cơ quan cấp trên và sự ủng hộ của các cổ đông trong SXKD và xây dựng đơn vị. Chúng ta đã có kinh nghiệm sau 6 năm hoạt động theo mô hình và cơ chế của Công ty Cổ phần. Công việc gói đầu đã được chuẩn bị tốt; cùng với sự cố gắng nỗ lực trong tổ chức quản lý, điều hành, chủ động tháo gỡ khó khăn, tập trung nguồn lực thúc đẩy sản xuất.
- Công ty đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 – 2008, qua đó đảm bảo chất lượng của các công trình thi công cũng như tính thẩm mỹ, sản phẩm của công ty ngày càng được khẳng định trên thị trường và được các khách hàng, đối tác đánh giá cao, mạng lưới khách hàng cũng liên tục được mở rộng.
- Đội ngũ lao động của Công ty là đội ngũ có tay nghề giỏi, có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực xây lắp và xây dựng, đây cũng là nguồn nội lực giúp Công ty đứng vững và phát triển trong môi trường kinh doanh cạnh tranh và hội nhập mạnh mẽ hiện nay.
- Trong giai đoạn nền kinh tế gặp nhiều khó khăn và bất ổn, Ban Lãnh đạo Công ty đã kịp thời đưa ra những chủ trương, giải pháp để Công ty hoạt động đúng hướng và có hiệu quả.

### *Khó khăn*

- Chính phủ thắt chặt đầu tư công, dẫn dừng tiến độ, chỉ số lạm phát cao, lãi suất Ngân hàng tuy có giảm nhưng vẫn đứng ở mức cao và khó tiếp cận. Thị trường công việc trong ngành XD/CB thiếu việc làm. Giá các loại nguyên, nhiên, vật liệu liên tục biến động tăng, làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất, tiến độ thi công của nhiều công trình.
- Địa bàn hoạt động trải rộng, phân tán ở khu vực Miền Trung và Tây Nguyên. Các công trình thi công chủ yếu ở vùng sâu, vùng xa, vùng Biên giới - Hải đảo phụ thuộc nhiều vào yếu tố thời tiết như: 3 công trình đường Tuần tra biên giới Kom Tum, Lai Châu, Thanh Hóa; 6 công trình ở biển đảo: Đá Tây, Cồn Cỏ, Cù Lao Chàm, Lý Sơn, Thổ Chu, Phú Quý...
- Nguyên vật liệu đầu vào: Công ty hoạt động kinh doanh chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp và xây dựng nên chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí. Trong quá trình sản xuất, đôi khi Công ty cũng gặp phải khó khăn do sự biến động giá của nguyên vật liệu đầu vào, khiến chi phí sản xuất kinh doanh của công ty bị đẩy lên cao, ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

## 8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành

### 8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 là đơn vị có bề dày kinh nghiệm, có nhiều thành tích trong việc đóng góp vào sự phát triển của ngành xây dựng nói riêng và đất nước nói chung, được các Bộ, ngành và Binh đoàn 11 đánh giá cao. Trải qua nhiều năm hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, thương hiệu Thành An 96 đã giữ vững được vị thế trên thị trường do chất lượng các công trình được đảm bảo và thời gian thi công đúng tiến độ.

#### *Những lợi thế cạnh tranh nổi bật của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành*

- Nền kinh tế đất nước phát triển, quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh và mạnh. Nhu cầu đầu tư xây dựng các công trình dân dụng như nhà ở, đường xa, cầu cống...rất lớn. Đây là điều kiện thuận lợi cho việc phát triển và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Trong những năm qua, tình hình tài chính của Công ty luôn được đảm bảo. Đối với công nợ phải trả khách hàng, Công ty luôn đảm bảo thanh toán đúng hạn và không có các khoản nợ quá hạn. Công ty luôn được các tổ chức tài chính, tín dụng đánh giá là vững mạnh và sẵn sàng tài trợ tín dụng cho Công ty khi Công ty có nhu cầu.
- Công ty hiện đang sở hữu công nghệ tiên tiến nhất trong lĩnh vực xây dựng, xây lắp công trình. Bên cạnh đó, Công ty còn có đội ngũ kỹ sư có trình độ cao, có năng lực và giàu kinh nghiệm.
- Được sự quan tâm giúp đỡ tận tình của các Bộ, ngành liên quan cũng như đơn vị chủ quản là Binh đoàn 11.

### 8.2. Triển vọng phát triển của ngành

- Trong những năm qua, Việt Nam được đánh giá là một trong những nền kinh tế tăng trưởng năng động nhất khu vực Châu Á – Thái Bình Dương cũng như trên thế giới với tốc độ tăng trưởng khá cao và ổn định. Song song với đó là quá trình đô thị hóa nhanh và mạnh, nhu cầu về xây dựng các công trình dân dụng cũng như công nghiệp rất lớn. Từ đó, thúc đẩy sự phát triển của ngành xây dựng bất động sản tại Việt Nam.
- Ngành xây dựng bất động sản cũng là một trong những ngành được Chính phủ ưu tiên phát triển. Mục tiêu của Chính phủ đến năm 2020 là phát triển ngành xây dựng bất động sản thành một ngành quan trọng của đất nước.
- Vì vậy, trong tương lai các doanh nghiệp hoạt động trong ngành xây dựng bất động sản nói chung và Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 nói riêng sẽ có nhiều cơ hội để gia tăng doanh thu và lợi nhuận.

### 8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Để đưa Công ty phát triển phù hợp với xu thế phát triển của nền kinh tế, trong các năm tiếp theo, Ban lãnh đạo Công ty có những kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh như sau:

- Xây dựng thương hiệu Công ty, văn hoá doanh nghiệp làm nền tảng cho việc xây dựng đội ngũ người lao động mang phong cách và văn hoá Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96, xây dựng Công ty là ngôi nhà thứ hai, là mái nhà chung đối với người lao động.
- Trong thời gian tới, hoạt động xây dựng và xây lắp vẫn là hoạt động kinh doanh trọng tâm của Công ty. Như vậy, có thể thấy định hướng hoạt động của Công ty là tận dụng và khai thác những cơ hội cũng như triển vọng của ngành xây dựng, bất động sản ở Việt Nam.
- Đối với hoạt động tài chính, Công ty sẽ thực hiện đa phương hóa, đa dạng hóa hoạt động hợp tác đầu tư, liên doanh liên kết với các Công ty có thế mạnh để bổ sung và đa dạng hóa ngành nghề của Công ty.
- Xây dựng chiến lược nguồn nhân lực, hoạch định nguồn nhân lực trong từng giai đoạn phát triển của Công ty, có chính sách, chế độ đãi ngộ phù hợp để thu hút nhân tài. Xác định con người là nguồn lực quan trọng nhất trong tất cả các nguồn lực để phát triển sản xuất kinh doanh, là nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.
- Xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến liên tục hệ thống quản trị chất lượng trong toàn công ty, hoàn thiện các quy trình cho phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh.
- Tất cả để hướng tới khách hàng của Công ty: Luôn tận tâm vì sự hài lòng của khách hàng, xây dựng mối quan hệ với các khách hàng nhằm tăng thêm giá trị, lợi ích và luôn vượt lên sự mong đợi của khách hàng.

Định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 nêu trên là phù hợp với định hướng phát triển của ngành và nền kinh tế hiện nay.

## 9. Chính sách đối với người lao động

### 9.1. Số lượng người lao động trong công ty

Số lượng lao động trong Công ty đến thời điểm 31/03/2015 là 3.655 người cụ thể như sau:

#### Cơ cấu lao động đến thời điểm 31/03/2015

Cơ cấu lao động	Số lượng lao động 31/03/2015	Tỷ lệ (%)
-----------------	---------------------------------	-----------

#### Phân theo trình độ lao động

Cơ cấu lao động	Số lượng lao động 31/03/2015	Tỷ lệ (%)
Đại học và trên đại học	216	5,91%
Cao đẳng, Trung cấp	180	4,92%
Đã đào tạo qua các trường công nhân kỹ thuật dạy nghề	85	2,33%
Lao động chưa qua đào tạo	3.174	86,84%
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.655</b>	<b>100%</b>
<b>Trong đó:</b>		
Lao động gián tiếp	412	11,83%
Lao động trực tiếp	3.243	88,17%
Nam	3.599	98,50%
Nữ	56	1,60%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96)

## 9.2. Chính sách đối với người lao động

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng quỹ trợ cấp mất việc làm, quỹ phúc lợi thăm hỏi động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống ...

Công ty đã tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho toàn bộ cán bộ công nhân viên có hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên.

Hàng năm Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động. Những cá nhân, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao làm tổn hại đến kinh tế, vật chất, uy tín của Công ty sẽ được xem xét cụ thể và phải chịu các hình thức kỷ luật, phạt tiền, bồi thường bằng vật chất theo nội dung thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động của Công ty ban hành.

Công ty có chính sách khuyến học đối với cán bộ công nhân viên và con các cán bộ công nhân viên có thành tích tốt trong học tập. Tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên được vừa làm vừa học nhằm nâng cao trình độ chuyên môn.

Người lao động trực tiếp được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ theo quy định của Công ty và chế độ hiện hành.

## 10. Chính sách cổ tức

Theo Điều lệ Công ty được Đại hội cổ đông thông qua cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn.

### Tình hình trả cổ tức 2011 -2013 và dự kiến năm 2014 của Công ty

Năm	Tỷ lệ cổ tức	Hình thức
Năm 2011	23%	Tiền mặt
Năm 2012	25%	Tiền mặt
Năm 2013	25%	Tiền mặt
Năm 2014	25%	Cổ phiếu

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96)

## 11. Tình hình hoạt động tài chính

### 11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính của Công ty tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

#### 11.1.1. Trích khấu hao tài sản cố định

##### ➤ Tài sản cố định hữu hình

- Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

- Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:
  - + Nhà, xưởng và vật kiến trúc 08 - 30 năm
  - + Máy móc và thiết bị 06 - 10 năm
  - + Phương tiện vận tải 05 - 10 năm
  - + Thiết bị văn phòng 04 - 10 năm
  - + Tài sản cố định hữu hình khác 04 - 10 năm

➤ **Tài sản cố định vô hình**

- Quyền khai thác mỏ đá Suối Mơ được Công ty khấu hao theo đường thẳng trong thời hạn 7 năm. Theo Hợp đồng thuê đất số 36/HĐTĐ ký ngày 17/11/2006 giữa Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam và Tổng công ty Thành An – Chi nhánh Miền Trung với thời hạn thuê từ tháng 6/2006 đến hết tháng 6/2021 và Quyết định số 18/QĐ-TCT của Tổng công ty Thành An ngày 03/1/2013 về việc Điều chuyển quyền khai thác, thuê đất và tài sản kèm theo mỏ đá Suối Mơ
- Giá trị phần mềm kế toán được Công ty khấu hao theo đường thẳng trong thời gian 4 năm. Cuối năm 2014, giá trị phần mềm này đã khấu hao hết giá trị.

**11.1.2. Hàng tồn kho**

Tính tới thời điểm 31/03/2015, hàng tồn kho của Công ty là **197.174.713.076** đồng, chi tiết hàng tồn kho của Công ty giai đoạn 2013 – 31/03/2015 như sau:

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015
Nguyên liệu, vật liệu	1.538.408.089	11.956.504.924	2.135.040.934
Công cụ, dụng cụ	6.500.000	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	55.735.734.834	52.444.815.056	195.039.672.142
<b>Tổng cộng</b>	<b>57.280.642.923</b>	<b>64.401.319.980</b>	<b>197.174.713.076</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC quý I năm 2015 CTCP Xây lập Thành An 96)

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng hàng tồn kho của Công ty trong giai đoạn 2013 – 2014 nhưng có xu hướng giảm nhẹ (từ 56 tỷ năm 2013 xuống 52 tỷ năm 2014). Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chủ yếu gồm các khoản chi phí như chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy và chi phí chung.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của một số công trình lớn và tiêu biểu trong quý I năm 2015 của Công ty:

<b>STT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Tổng chi phí (đồng)</b>
1	Công trình TS-01 đảo Đá Tây - Trường Sa - gói 6	26.925.182.730
2	CT Trụ sở cơ quan tỉnh uỷ Quảng Bình	11.936.529.855
3	Công trình Kè chống xói lở Đ.Phú Quý - gói 12	8.928.827.685
4	CT Đường cơ động Đảo Thổ Chu - Gói 9A	9.422.360.148
5	Kè chống xói lở bảo vệ Đ.Cồn Cỏ - gói 9	10.476.102.744
6	Công trình TS-01 (gói 11) đảo Đá Tây - Trường Sa	11.086.119.000

(Nguồn: CTCP Xây lập Thành An 96)

### **11.1.3. Mức thu nhập bình quân**

Thu nhập bình quân của Công ty giai đoạn 2012 - 2014:

- + Năm 2012: 6.804.186 đồng/người/tháng
- + Năm 2013: 6.881.128 đồng/người/tháng
- + Năm 2014: 7.864.695 đồng/người/tháng

Mức thu nhập bình quân của người lao động luôn tăng trong các năm từ mức 6.804.186 đồng/người/tháng năm 2012 lên mức 7.864.695 đồng/người/tháng năm 2014.

### **11.1.4. Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty luôn cố gắng thực hiện tốt các nghĩa vụ thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ cho các nhà cung cấp, các ngân hàng, bạn hàng và đối tác. Tại thời điểm 31/12/2014 đến thời điểm 31/03/2015 Công ty không có khoản nợ nào quá hạn phải trả.

### **11.1.5. Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty nghiêm chỉnh thực hiện các chính sách thuế của Nhà nước cũng như các chính sách có liên quan đến người lao động và luôn thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp theo luật định.



Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015
Thuế giá trị gia tăng	16.506.087.147	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.762.749.448	4.389.975.510	1.331.887.138
Thuế thu nhập cá nhân	248.708.008	312.432.798	320.876.195
<b>Tổng cộng</b>	<b>21.517.544.603</b>	<b>4.702.408.308</b>	1.652.763.333

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC quý I năm 2015 CTCP Xây lập Thành An 96)

### 11.1.6. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ và quy định của pháp luật hiện hành. Việc trích lập các quỹ hàng năm căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và do Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

#### Số dư các Quỹ giai đoạn 2013-2014 và quý I năm 2015

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015
Quỹ khen thưởng phúc lợi	4.446.259.060	3.996.154.972	3.015.682.412
Quỹ Đầu tư phát triển	3.616.132.671	10.718.971.216	18.047.727.068
Quỹ Dự phòng Tài chính	7.328.755.852	7.328.755.852	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC quý I năm 2015 của CTCP Xây lập Thành An 96)

### 11.1.7. Tổng dư nợ vay

#### Các khoản nợ phải trả giai đoạn 2013 – 2014 và quý I năm 2015

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015
Nợ ngắn hạn	426.238.046.843	594.438.858.250	541.090.056.499
Nợ dài hạn	31.514.488.400	42.394.338.208	43.668.079.834
Trong đó: Nợ quá hạn	-	-	-

**Tổng** **457.752.535.283** **636.833.196.458** **584.758.136.333**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và quý I năm 2015 CTCP Xây lắp Thành An 96)

### 11.1.8. Tình hình vay nợ

#### Tình hình vay và nợ ngắn hạn, dài hạn giai đoạn 2013-2014

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015
<b>I- Vay ngắn hạn</b>	<b>25.130.453.755</b>	<b>18.083.300.000</b>	<b>63.856.136.358</b>
Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng (1)	11.542.212.348	18.083.300.000	53.016.136.358
Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Đà Nẵng (2)	13.588.241.407	-	10.840.000.000
<b>II-Vay dài hạn</b>	<b>340.000.000</b>	-	-
NHTMCP Công thương VN – CN Ngũ Hành Sơn (3)	340.000.000	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.470.453.755</b>	<b>18.083.300.000</b>	<b>63.856.136.358</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC quý I năm 2015 CTCP Xây lắp Thành An 96)

Đến thời điểm 31/12/2014:

- Hợp đồng tín dụng số 15/2012/96 ngày 30/7/2012; số 19/2012/96, ngày 30/10/2012, số 17/2012/96 ngày 12/10/2012 nhằm bổ sung vốn lưu động cho Công ty mua vật tư, chi phí nhân công và các khoản chi khác. Áp dụng mức lãi suất thả nổi, lãi suất trong hạn là lãi suất theo năm và bằng tổng của lãi suất cơ sở cộng biên độ 3,8%/ năm, cộng với chi phí vốn. Các khoản vay được thế chấp bằng quyền tài sản phát sinh từ những hợp đồng thi công của Công ty.
- Hợp đồng tín dụng số 272.11.301.50099.TD ngày 01/11/2011 và số 236.12.301.500099.TD.DN ngày 30/11/2012 nhằm bổ sung vốn lưu động thi công theo các hợp đồng xây dựng. Các khoản vay được Các khoản vay được đảm bảo bằng giá trị doanh thu từ các phương án kinh doanh và tài sản cố định của Công ty, mức lãi. suất thả nổi theo từng thời kỳ

- (3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 112109/HĐTD-TH ngày 29/11/2011. Theo đó lãi suất khoản vay: bằng tổng lãi suất cơ sở và biên độ 4,2%/năm, trong đó: lãi suất cơ sở là lãi suất huy động vốn VND 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và chi phí vốn tăng thêm bình quân vào ngày xác định lãi suất (sẽ được ngân hàng thông báo định kỳ). Mục đích vay vốn: mua máy móc thiết bị phục vụ thi công công trình. Tài sản đảm bảo: cho vay có đảm bảo một phần bằng tài sản hình thành từ vốn vay là 2 máy đào bánh xích hiệu: Hitachi EX 450LC-5, xe lu bánh thép hiệu Hitachi RS-120C.

Đến thời điểm 31/03/2015:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 01/2014-HĐTDHM/NHCT486-CTCPXLTA96 ngày 10/10/2014 nhằm bổ sung vốn lưu động cho Công ty sử dụng để thanh toán các chi phí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Áp dụng mức lãi suất thả nổi, lãi suất trong hạn là lãi suất theo năm và bằng tổng của lãi suất cơ sở cộng biên độ 3,5%/năm, cộng với chi phí vốn. Các khoản vay được thế chấp bằng quyền tài sản phát sinh quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 01/2013/HĐTC-QTS-TA96 ngày 16/10/2013. Máy móc thiết bị và thiết bị dụng cụ quản lý của Công ty quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp động sản số 02/2013/HĐTC-ĐS-TA96 ngày 16/10/2013.
- (2) Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 147/TB-MB-ĐNA ký ngày 31/03/2015 nhằm bổ sung vốn lưu động thi công theo các hợp đồng xây dựng. Các khoản vay được đảm bảo bằng giá trị doanh thu từ các phương án kinh doanh và tài sản cố định của Công ty, mức lãi. suất thả nổi theo từng thời kỳ.

### 11.1.9. Tình hình công nợ hiện nay

#### Tình hình các khoản phải thu giai đoạn 2013 – 2014 và quý I năm 2015

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015
Phải thu khách hàng	309.985	404.196	217.638 <sup>(1)</sup>
Trả trước cho người bán	3.058	23.849	22.593 <sup>(2)</sup>
Các khoản phải thu khác	2.216	7.314	69.970 <sup>(3)</sup>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó	(673)	(2.209)	(2.209)

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015
đòi			
<b>Tổng cộng</b>	<b>314.587</b>	<b>433.150</b>	<b>254.638</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC quý I năm 2015 của CTCP Xây lập Thành An 96)

(1), (2), (3): Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, khoản (1) có tên gọi là Phải thu ngắn hạn khách hàng; (2) có tên gọi là Trả trước cho người bán ngắn hạn; (3) có tên gọi là Phải thu ngắn hạn khác.

Các khoản phải thu của Công ty đều là các khoản phải thu ngắn hạn, trong đó, phải thu khách hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng các khoản phải thu ngắn hạn của Công ty. Trong giai đoạn 2013 – 2014, các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác đều có xu hướng tăng mạnh do Công ty thực hiện nhiều hợp đồng lớn có giá trị cao như Hợp đồng số 01/2014/HĐXD xây dựng Kè chống xói lở Đảo Phú Quý – Gói 12 ký ngày 15/02/2014 Chủ đầu tư là BQLDA huyện Đảo Phú Quý với giá trị 136.977.208.000 đồng, Hợp đồng số 100/HĐXD-TSVN-QLDA ký ngày 03/09/2014 với Tổng Công ty thủy sản Việt Nam giá trị hợp đồng là 831.378.023.000 đồng. Năm 2014, các khoản phải thu của Công ty ở mức 433.150 triệu đồng.

Phải thu ngắn hạn khác của Công ty đạt 69.970 triệu đồng gồm các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản tạm ứng và các khoản phải thu khác. Trong đó, Công ty có khoản tạm ứng giá trị lớn (52 tỷ đồng) gồm khoản ứng kinh phí thi công công trình, ứng kinh phí tiếp thị công trình như công trình Nhà ở chỉ huy Doanh trại sư đoàn 315, Bệnh xá vùng 3 Hải quân, công trình Đường tuần tra biên giới, Trụ sở tỉnh ủy Quảng Bình....

Trong quý II năm 2015, Công ty đã thu được các khoản phải thu quý I năm 2015 theo đúng tiến độ hợp đồng.

Một số khoản phải thu có giá trị lớn của Công ty tính tới thời điểm 31/12/2014 như sau:

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Giá trị	Thời hạn thanh toán
1	Phải thu BQLDA H.Phú Quý tiền XDCT Kè chống xói lở Đ.Phú Quý – Gói 12	29.075.001.240	Quý I/2015

STT	Chỉ tiêu	Giá trị	Thời hạn thanh toán
2	TCT Thủy sản Việt Nam nợ tiền XDCT TS-01 Trường Sa –Gói 12	25.111.494.000	Quý I/2015
3	BCHQS Quảng Ngãi nợ tiền XDCT Huyện Đảo Lý Sơn	11.500.000.000	Quý I/2015
4	Sư đoàn BB315/QK5 nợ tiền XDCT Nhà chỉ huy Doanh trại Sư 315	9.492.130.000	Quý I/2015
5	Sư đoàn BB2/QK5 nợ tiền XDCT Bệnh xá TDDE- Sư BB2	7.500.000.000	Quý I/2015
6	BQLDA 98/BQP nợ tiền XDCT Khu nhà ở liền kề K38	8.668.965.001	Quý I/2015
7	BQLDA Đường cao tốc VN nợ tiền XDCT Trạm thu phí Nội Bài – Lào Cai	10.139.743.125	Quý I/2015
8	BTL Hải quân nợ tiền XD Chung cư N6 KĐT Cam Ranh	8.076.485.000	Quý I/2015
9	Sư đoàn BB2/QK5 nợ tiền XDCT Cụm công trình BB2	8.282.099.000	Quý I/2015
10	Sư đoàn BB2/QK5 nợ tiền XDCT Hội trường 300 chỗ Sư BB2 – Gói 4	8.302.034.000	Quý I/2015

(Nguồn: CTCP Xây lắp Thành An 96)

### Tình hình các khoản phải trả giai đoạn 2013-2014 và quý I năm 2015

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>426.238.046.843</b>	<b>594.438.858.250</b>	<b>541.090.056.499</b>

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015
Vay và nợ ngắn hạn	25.130.453.755	18.083.300.000	63.856.136.358 <sup>(1)</sup>
Phải trả người bán	224.357.920.785	328.795.861.057	181.587.274.190 <sup>(2)</sup>
Người mua trả tiền trước	121.962.689.759	205.815.264.196	261.721.382.479 <sup>(3)</sup>
Thuế và các khoản phải nộp NN	21.517.544.603	4.702.408.308	1.652.763.333
Phải trả người lao động	7.561.363.260	11.171.277.927	272.606.132
Phải trả nội bộ (*)	6.606.469.307	2.588.099.622	2.588.681.821 <sup>(4)</sup>
Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.821.416.082	19.286.492.168	26.395.529.774 <sup>(5)</sup>
Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.833.930.232	-	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	4.446.259.060	3.996.154.972	3.015.682.412
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>31.514.488.440</b>	<b>42.394.338.208</b>	<b>43.668.079.834</b>
Vay và nợ dài hạn	340.000.000	-	-
Phải trả dài hạn khác	31.174.488.440	42.394.338.208	-
Phải trả nội bộ dài hạn	-	-	43.668.079.834
<b>Tổng cộng</b>	<b>457.752.535.283</b>	<b>636.833.196.458</b>	<b>584.758.136.333</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC quý I năm 2015 của CTCP Xây lập Thành An 96)

(1), (2), (3), (4), (5): Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, khoản (1) có tên gọi là Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn; (2) có tên gọi là Phải trả người bán ngắn hạn; (3) có tên gọi là Người mua trả tiền trước ngắn hạn; (4) có tên gọi là Phải trả nội bộ ngắn hạn; (5) có tên gọi là Phải trả ngắn hạn khác.

(\*) Khoản phải trả Tổng Công ty Thành An đến thời điểm 31/03/2015: gồm các khoản cấp kinh phí thi công công trình, quyết toán các chi phí với cán bộ, công nhân viên, chi phí huấn luyện dự bị động viên...

Một số khoản phải trả có giá trị lớn của Công ty tính tới thời điểm 31/12/2014 như sau:

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Giá trị	Thời hạn thanh toán
1	BCHQS Quảng Ngãi tạm ứng tiền XDCT Đường cơ động Đ.Lý Sơn – Gói 6 (*)	40.701.588.000	Quý IV/2014
2	BQL DA ĐTXD Đ.THỔ Chu tạm ứng tiền XDCT Đường cơ động Đ.Thổ Chu - Gói 9A (*)	15.273.496.000	Quý IV/2014
3	TCT Thủy sản tạm ứng tiền XDCT TS-01 Trường Sa – Gói 12 (*)	100.498.559.000	Quý IV/2014
4	Phải trả tiền mua vật tư cho Công ty TNHH Thành Vượng Phát	12.115.959.979	Quý I/2015
5	Phải trả tiền mua vật tư cho Công ty TNHH Đăng Dũng	9.773.223.393	Quý I/2015
6	Phải trả tiền mua vật tư, thuê tàu cho Công ty CP Quang Huy	37.633.379.350	Quý I/2015
7	Phải trả tiền thuê tàu cho Công ty TNHH Khang Dương	20.988.267.600	Quý I/2015
8	Phải trả lương cho CB,CNV	11.171.277.927	Quý I/2015
9	Phải trả tiền chia cổ tức cho các cổ đông	12.795.500.000	Sau họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2015
10	Phải trả tiền mua vật tư TCCT còn nợ khách hàng	42.394.338.208	Quý I/2015

(Nguồn: CTCP Xây lắp Thành An 96)

(\*) Khách hàng tạm ứng trước một phần kinh phí thi công xây dựng công trình theo điều khoản hợp đồng đã được ký kết cho Công ty để thực hiện các dự án xây dựng.

Các khoản phải trả, phải nộp khác của Công ty quý I năm 2015 ở mức 26.396 triệu đồng bao gồm: tiền cổ tức phải trả cho cổ đông, tiền phí quản lý cho Tổng công ty Thành An, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế....

Khoản tiền người mua trả tiền trước là các khoản Chủ đầu tư tạm ứng trước tiền thi công các hạng mục công trình đang xây lắp.

Công ty luôn thực hiện tốt các nghĩa vụ công nợ cho các nhà cung cấp và đối tác, hiện Công ty không có bất cứ khoản nợ nào đến hạn hoặc quá hạn. Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong các năm qua.

Trong quý II năm 2015, Công ty đã thực hiện thanh toán các khoản phải trả quý I năm 2015 theo đúng tiến độ hợp đồng.

## 11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

### Một số chỉ tiêu tài chính năm 2013 – 2014

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm	
		2013	2014
<b>1. Khả năng thanh toán</b>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (thời điểm 31/12) (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,02	1,02
- Hệ số thanh toán nhanh (thời điểm 31/12) [(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	0,89	0,91
<b>2. Cơ cấu vốn</b>			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản (thời điểm 31/12)	Lần	0,88	0,9
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (thời điểm 31/12)	Lần	7,37	9,2
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	13	24
- Vòng quay Tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	2	2,5
<b>4. Khả năng sinh lời</b>			



- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,46	1,53
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	32,81	36,06
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	3,16	3,86
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / DTT	%	1,91	1,93
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng	5.289	4.628

(Nguồn: Tính toán từ BCTC kiểm toán năm 2014 của CTCP Xây lắp Thành An 96)

## **12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng**

### **12.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị**

#### **12.1.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

- Họ và tên: **Võ Cửu Long**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 26/03/1954
- Nơi sinh: Diễn Liên - Diễn Châu - Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 201676863 cấp ngày 21/06/2011 tại CA Đà Nẵng.
- Quê quán: Diễn Liên - Diễn Châu - Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Số 2 Nguyễn Văn Trỗi - Q.Hải Châu - TP Đà Nẵng
- Số điện thoại liên lạc: 0913.214.789
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác:

<b>Thời gian</b>	<b>Quá trình công tác</b>
1972-1972	Chiến sĩ D10 - Binh trạm 31 – Đoàn 559
1972-1976	Chiến sĩ E 531 – Đoàn 559
1976-1977	Học viên trường Văn hóa – Đoàn 559
1977-1982	Học viên trường Đại học Xây dựng Hà Nội

1982-1982	Học viên trường 781 – Bộ quốc Phòng
1983-1988	Trợ lý kỹ thuật – Lữ 387 – Binh đoàn 11
1988-1989	Trợ lý kỹ thuật D5 – Lữ 386 – Binh đoàn 11
1989-1991	Trợ lý KH-KT Xí nghiệp 24 – Binh đoàn 11
1991-1996	Đội trưởng thuộc Công ty 246 – Binh đoàn 11
1996-1997	Phó Giám đốc Xí nghiệp 59 – Công ty 659 – Binh đoàn 11
1998-2004	Giám đốc Xí nghiệp 59 – Binh đoàn 11
2004-2007	Giám đốc Công ty Xây lắp 96 – Binh đoàn 11
2008 - Nay	Chủ tịch HĐQT – Giám đốc Công ty CPXL Thành An 96 - Binh đoàn 11

14. Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty.

15. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

16. Số cổ phần bản thân nắm giữ: 1.166.067 cổ phần, chiếm tỷ lệ 22,79% vốn điều lệ.

*Trong đó:*

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 122.445 cổ phần, chiếm tỷ lệ 2,39% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 1.043.622 cổ phần, chiếm tỷ lệ 20,4% vốn điều lệ.

17. Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 47.702 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,93% vốn điều lệ.

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Mối quan hệ	Nghề nghiệp	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ
1	Võ Đượ	Mất	Bố đẻ			
2	Chu Thị Loan	Mất	Mẹ đẻ			
3	Trần Thị Liên	1955	Vợ	Hưu trí	Ngõ 76, Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội	Không
4	Võ Thanh Liêm	1983	Con đẻ	Kỹ sư xây dựng	Australia	Không
5	Võ Thị Phương Anh	1985	Con đẻ	Kế toán ngân hàng	88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	Không

6	Võ Anh Đào	1949	Anh ruột	Hưu trí	Diễn Liên, Diễn Châu, Nghệ An	Không
7	Võ Thị Hương	1960	Em ruột	Nông	Diễn Liên, Diễn Châu, Nghệ An	Không
8	Võ Hồng Lam	1962	Em ruột	Bộ đội	Cục tài chính BQP, Hà Nội	Không
9	Võ Thị Oanh	1964	Em ruột	Nông	Diễn Đồng, Diễn Châu, Nghệ An	Không
10	Võ Thị Yên	1966	Em ruột	Công nhân viên	Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	Không
11	Võ Văn Hiến	Mất	Em ruột			
12	Võ Văn Tiến	1977	Em ruột	Xây dựng	Diễn Liên, Diễn Châu, Nghệ An	47.702 CP

18. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

19. Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không

20. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

### 12.1.2. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Họ và tên: **Nguyễn Ngọc Huệ**

2. Giới tính: Nam

3. Ngày tháng năm sinh: 12/12/1962

4. Nơi sinh: Ngô Quyền - Thanh Miện - Hải Dương

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Dân tộc: Kinh

7. Số CMND: 201642375 cấp ngày 11/08/2009 tại CA Đà Nẵng.

8. Quê quán: Ngô Quyền - Thanh Miện - Hải Dương

9. Địa chỉ thường trú: 44 Duy Tân - Q.Hải Châu - Đà Nẵng

10. Số điện thoại liên lạc: 0913.405.096

11. Trình độ văn hoá: 10/10

12. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

13. Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
1980-1981	Chiến sỹ D5 – Lữ 249 – Bộ tư lệnh Công Binh
1981-1984	Học viên Trường Sĩ quan Hậu cần
1984-1984	Học viên lớp tập huấn Chính trị - Trường 111 – BĐ 11
1985-1986	Đại đội phó Chính trị - C2 – D2 – Lữ 387 – BĐ 11
1986-1993	Đại đội phó Chính trị - C7 – D1 – Lữ 394 – BĐ 11
1993-1996	Chủ nhiệm Chính trị Xí nghiệp 96 – TCTXD 11
1996-2007	Chủ nhiệm Chính trị Công ty xây lắp 96 – Binh đoàn 11
2008 - Nay	Phó chủ tịch HĐQT - Phó giám đốc Công ty CPXL Thành An 96 – Binh Đoàn 11

14. Chức vụ công tác hiện nay: Phó chủ tịch HĐQT, Phó giám đốc Công ty.

15. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

16. Số cổ phần bản thân nắm giữ: 556.812 cổ phần, chiếm tỷ lệ 10,88% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 35.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,68% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 521.812 cổ phần, chiếm tỷ lệ 10,2% vốn điều lệ

17. Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

Những người có liên quan:

T	Họ và tên	Năm sinh	Mối quan hệ	Nghề nghiệp	Địa chỉ	Số lượng CP nắm giữ
1	Nguyễn Ngọc Ánh	1940	Bố đẻ	Nghỉ hưu	Thanh Miện - Hải Dương	Không
2	Nguyễn Thị Ca	1936	Mẹ đẻ	Làm ruộng	Thanh Miện - Hải Dương	Không
3	Trần Thị Dôi	1964	Vợ	Nội trợ	Hải Châu - Đà Nẵng	Không
4	Nguyễn Ngọc Dũng	1986	Con	Kỹ sư XD	Hải Châu - Đà Nẵng	Không

5	Nguyễn Thị Huyền	1989	Con	Kế toán	Hải Châu - Đà Nẵng	Không
6	Nguyễn Thị Hưng	1959	Chị ruột	Làm ruộng	Thanh Miện - Hải Dương	Không
7	Nguyễn Thị Tăng	1968	Em ruột	Kế toán	Gia Lâm - Hà Nội	Không
8	Nguyễn Ngọc Cường	1970	Em ruột	Kỹ sư	Gia Lâm - Hà Nội	Không
9	Nguyễn Thị Hương	1973	Em ruột	Làm ruộng	Thanh Miện - Hải Dương	Không
10	Nguyễn Ngọc Chiêu	1977	Em ruột	Thanh tra GT	Gia Lâm - Hà Nội	Không

18. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

19. Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không

20. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

### 12.1.3. Thành viên Hội đồng quản trị

1. Họ và tên: **Phạm Văn Lê**

2. Giới tính: Nam

3. Ngày tháng năm sinh: 01/12/1963

4. Nơi sinh: Chuyên Ngoại – Duy Tiên – Hà Nam

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Dân tộc: Kinh

7. Số CMND: 201642475 cấp ngày 22/09/2009 tại CA Đà Nẵng.

8. Quê quán: Chuyên Ngoại – Duy Tiên – Hà Nam

9. Địa chỉ thường trú: 508 Nguyễn Tri Phương – Hòa Thuận Tây - Hải Châu – TP Đà Nẵng

10. Số điện thoại liên lạc: 0913.402.134

11. Trình độ văn hoá: 10/10

12. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

13. Quá trình công tác :

Thời gian	Quá trình công tác
1982-1984	Chiến sỹ , Học viên Trường TCXD – Binh đoàn 11
1985-1986	Nhân viên kỹ thuật C5 - D 580 – E 672 – Binh đoàn 11

1986-1987	Học viên trường Quân chính Binh đoàn 11
1987-1990	Đại đội phó C5- E 672 – Binh đoàn 11
1990-1996	Đội trưởng Đội 34 – Xí nghiệp xây lắp 96 – Binh đoàn 11
1996-1997	Phó giám đốc Xí nghiệp 54 – Công ty xây lắp 96 – BĐ 11
1998-2006	Giám đốc Xí nghiệp 54 – Công ty xây lắp 96 – BĐ 11
2006-2007	Trưởng phòng DA – ĐT Công ty xây lắp 96 – BĐ 11
2008-Nay	Thành viên HĐQT, Phó giám đốc CTCP XL Thành An 96 – BĐ 11

14. Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty.

15. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

16. Số cổ phần bản thân nắm giữ: 581.925 cổ phần, chiếm tỷ lệ 11,37% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 60.113 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,17% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 521.812 cổ phần, chiếm tỷ lệ 10,2% vốn điều lệ

17. Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Mối quan hệ	Nghề nghiệp	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ
1	Phạm Văn Uẩn	Mất	Bố đẻ			
2	Nguyễn Thị Đường	1922	Mẹ đẻ	Nông	Chuyên Ngoại, Duy Tiên, Hà Nam	Không
3	Nguyễn Thị Thúy An	1972	Vợ	Kế toán	508 Nguyễn Tri Phương, Đà Nẵng	Không
4	Phạm Trịnh Duy	2001	Con	Học sinh	508 Nguyễn Tri Phương, Đà Nẵng	Không
5	Phạm Quang Huy	2005	Con	Học sinh	508 Nguyễn Tri Phương, Đà Nẵng	Không
6	Phạm Xuân	1949	Anh	Hưu trí	Chuyên Ngoại, Duy	Không

	Đền		ruột		Tiên, Hà Nam	
7	Phạm Thị Hường	1954	Chị ruột	Nông	Chuyên Ngoại, Duy Tiên, Hà Nam	Không
8	Phạm Văn Hựu	1956	Anh ruột	Hưu trí	Chuyên Ngoại, Duy Tiên, Hà Nam	Không
9	Phạm Thị Hiền	1958	Chị ruột	Nông	Chuyên Ngoại, Duy Tiên, Hà Nam	Không
10	Phạm Văn Hậu	1959	Anh ruột	Y sỹ	Phủ Lý, Hà Nam	Không
11	Phạm Văn Hán	1966	Em ruột	Hưu trí	Chuyên Ngoại, Duy Tiên, Hà Nam	Không
12	Phạm Thị Hoa	1968	Em ruột	Nông	Chuyên Ngoại, Duy Tiên, Hà Nam	Không

18. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

19. Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không

20. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

#### 12.1.4. Thành viên Hội đồng quản trị

1. Họ và tên: **Hoàng Đức Trúc**

2. Giới tính: Nam

3. Ngày tháng năm sinh: 09/01/1967

4. Nơi sinh: Nghĩa Hiếu - Nghĩa Đàn - Nghệ An

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Dân tộc: Kinh

7. Số CMND: 201623431 cấp ngày 13/08/2009 tại CA Đà Nẵng.

8. Quê quán: Nghĩa Hiếu - Nghĩa Đàn - Nghệ An

9. Địa chỉ thường trú: Phường Hòa Hải - Ngũ Hành Sơn - Đà Nẵng

10. Số điện thoại liên lạc: 0913.404.860

11. Trình độ văn hoá: 12/12

12. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

13. Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
1985-1988	Học viên trường Quân chính – Binh đoàn 11
1988-1991	Nhân viên kinh tế Đội XD33 – E672
1991-1996	Nhân viên vật tư – Xí nghiệp 96 – Binh đoàn 11
1996-2000	Học viên Học viện KTQS
2000-2002	Đội trưởng Đội 36 – Xí nghiệp XL 54 – Công ty XL 96
2002-2006	Phó Giám đốc Xí nghiệp 54 – Công ty XL 96
2006-2008	Giám đốc Xí nghiệp 54 – Công ty XL 96
2008-2014	Thành viên HĐQT, Phó Giám Đốc Công ty kiêm Giám đốc XN 54
2015 – Nay	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty

14. Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty

15. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

16. Số cổ phần bản thân nắm giữ: 573.466 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,76% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 51.654 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,01% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 521.812 cổ phần, chiếm tỷ lệ 10,2% vốn điều lệ

17. Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Mối quan hệ	Nghề nghiệp	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ
1	Hoàng Đức Kính	1932	Bố đẻ	Mất	Nghĩa Hiếu, Nghĩa Đàn, Nghệ An	Không
2	Chu Thị Hà	1940	Mẹ đẻ	Hưu trí	Nghĩa Hiếu, Nghĩa Đàn, Nghệ An	Không
3	Lê Thị Trung Hậu	1972	Vợ	Kế toán	Hòa Hải, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng	Không
4	Hoàng Bảo Trung	1995	Con	Sinh viên	Hòa Hải, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng	Không



5	Hoàng Lê Minh Anh	2002	Con	Học sinh	Hòa Hải, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng	Không
6	Hoàng Thị Hương	1968	Em ruột	Kế toán	Hội CCB Việt Nam	Không
7	Hoàng Đức Giang	1970	Em ruột	Công nhân	Nghĩa Hiếu, Nghĩa Đàn, Nghệ An	Không
8	Hoàng Đức Long	1973	Em ruột	Bộ đội	BCHQS Kon Tum	Không
9	Hoàng Nhất Thành	1975	Em ruột	Công nhân	Nghĩa Hiếu, Nghĩa Đàn, Nghệ An	Không

18. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

19. Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không

20. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

#### 12.1.5. Thành viên Hội đồng quản trị

1. Họ và tên: **Trịnh Thị Thu Hương**

2. Giới tính: Nữ

3. Ngày tháng năm sinh: 01/02/1977

4. Nơi sinh: Triệu Sơn - Thanh Hóa

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Dân tộc: Kinh

7. Số CMND: 201699528 cấp ngày 19/03/2013 tại CA Đà Nẵng.

8. Quê quán: Triệu Sơn - Thanh Hóa

9. Địa chỉ thường trú: Tổ 63 - P.Khuê Mỹ - Q.Ngũ Hành Sơn - TP.Đà Nẵng

10. Số điện thoại liên lạc: 0983.231.715

11. Trình độ văn hoá: 12/12

12. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

13. Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
8/1998 ÷ 3/2009	Nhân viên phòng Tài chính - Công ty 96 – Binh đoàn 11

4/2009 ÷ 12/2010	Kế toán tổng hợp - Công ty CPXL Thành An 96 - Binh đoàn 11
01/2011 ÷ 12/2012	Phó phòng Tài chính - Công ty CPXL Thành An 96 - Binh đoàn 11
01/2013 ÷ Nay	Trưởng phòng Tài chính Công ty CPXL Thành An 96 - Binh đoàn 11

14. Chức vụ công tác hiện nay: thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty.

15. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

16. Số cổ phần bản thân nắm giữ: 9.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,19% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 9.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,19% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

17. Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Mối quan hệ	Nghề nghiệp	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ
1	Trịnh Văn Sở	1950	Cha ruột	Hưu trí	Đội 2 Hợp Tiến, Triệu Sơn, Thanh Hoá	Không
2	Vũ Thị Liên	1951	Mẹ ruột	Hưu trí	Đội 2 Hợp Tiến, Triệu Sơn, Thanh Hoá	Không
3	Trịnh Phú Cường	1978	Em ruột	Kỹ sư XD	Đội 2 Hợp Tiến, Triệu Sơn, Thanh Hoá	Không
4	Trịnh Sự Nghiệp	1981	Em ruột	Kỹ sư XD	Chung cư Kim Đồng, Đà Nẵng	Không
5	Hà Xuân Quán	1977	Chồng	Bộ đội	27 Lê Văn Hiến, TP Đà Nẵng	Không
6	Hà Ngọc Minh	2006	Con	Học sinh	27 Lê Văn Hiến, TP Đà Nẵng	Không

18. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

19. Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không

20. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

## 12.2. Danh sách Ban Kiểm soát

### 12.2.1. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Họ và tên: **Đỗ Văn Thành**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 20/01/1963
4. Nơi sinh: Kim Bình – Kim Bảng - Hà Nam
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Dân tộc: Kinh
7. Số CMND: 201603958 cấp ngày 23/09/2008 tại CA Đà Nẵng.
8. Quê quán: Kim Bình – Kim Bảng - Hà Nam
9. Địa chỉ thường trú: 16A Nguyễn Hữu Thọ, Tổ 10 Hòa Thuận Tây, Hải Châu, TP. Đà Nẵng
10. Số điện thoại liên lạc: 0982.404.516
11. Trình độ văn hoá: 12/12
12. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
13. Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
02/1982 ÷ 12/1984	Học viên Trường TCXD 111 – Binh đoàn 11
01/1985 ÷ 12/1986	NV kỹ thuật C5 - Lữ 394 - Binh đoàn 11
01/1987 ÷ 12/1987	Học viên trưởng Quân chính Binh đoàn 11
01/1988 ÷ 4/1991	Phó Đại đội trưởng C12 - Lữ 394 - Binh đoàn 11
5/1991 ÷ 4/1996	Đội phó đội 33 - Công ty xây lắp 96 - Binh đoàn 11
5/1996 ÷ 9/1999	Đội trưởng đội 38 - Công ty xây lắp 96 - Binh đoàn 11
10/1999 ÷ 02/2002	Phó Giám đốc XN 54 - Công ty xây lắp 96 - Binh đoàn 11
3/2002 ÷ 12/2007	Phó phòng Kế hoạch - Công ty xây lắp 96 - Binh đoàn 11
01/2008 ÷ 6/2012	Phó phòng KT-KH Công ty CPXL Thành An 96 - BĐ 11
07/2012 ÷ Nay	Trưởng phòng KT-KH Công ty CPXL Thành An 96 - BĐ 11

14. Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát, Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty.

15. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

16. Số cổ phần bản thân nắm giữ: 7.400 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,14% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 7.400 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,14% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

17. Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Mối quan hệ	Nghề nghiệp	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ
1	Đỗ Ngọc Phương	Mất	Bố đẻ			
2	Nguyễn Thị Dung	1927	Mẹ đẻ	Nông	Kim Bảng, Hà Nam	Không
3	Vũ Thị Sen	1965	Vợ	Nội trợ	Hải Châu, Đà Nẵng	Không
4	Đỗ Duy Thắng	1991	Con	Sinh viên	Hải Châu, Đà Nẵng	Không
5	Đỗ Thị Mỹ Ngọc	2004	Con	Học sinh	Hải Châu, Đà Nẵng	Không
6	Đỗ Ngọc Thịnh	Liệt sỹ	Anh ruột			
7	Đỗ Thị Kim	1958	Chị ruột	Hưu trí	Kim Bảng, Hà Nam	Không
8	Đỗ Quang Trung	1960	Anh ruột	Nông	Kim Bảng, Hà Nam	Không
9	Đỗ Thị Loan	1966	Em ruột	Nông	Kim Bảng, Hà Nam	Không
10	Đỗ Thị Phượng	1968	Em ruột	Nông	Kim Bảng, Hà Nam	Không

18. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

19. Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không

20. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

### 12.2.2. Thành viên Ban Kiểm soát

1. Họ và tên: **Hoàng Văn Khương**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 26/10/1972
4. Nơi sinh: Trung Giã - Sóc Sơn - Hà Nội
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Dân tộc: Kinh
7. Số CMND: 201581822 cấp ngày 20/08/2007 tại CA Đà Nẵng.
8. Quê quán: Trung Giã - Sóc Sơn - Hà Nội
9. Địa chỉ thường trú: 223/8B Hải Phòng - Q.Thanh Khê - Đà Nẵng.
10. Số điện thoại liên lạc: 0929.069.969
11. Trình độ văn hoá: 12/12
12. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
13. Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
1992 – 1998	Công nhân xây dựng tại Công ty Xây lắp 96
1999 – 2009	Nhân viên, kế toán tổng hợp XN54 – Công ty Xây lắp 96
2009 – Nay	Trưởng ban tài chính – CN Công ty CPXL Thành An 96 tại Quảng Trị

14. Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CPXL Thành An 96, Trưởng ban Tài chính CN Công ty CPXL Thành An 96 tại Quảng Trị.

15. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

16. Số cổ phần bản thân nắm giữ: 43.835 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,86% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 43.835 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,86% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

17. Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

Những người có liên quan:

ST T	Họ và tên	Năm sinh	Mối quan hệ	Nghề nghiệp	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ
1	Hoàng Văn Bùi	1951	Bố đẻ	Nông	Trung Giã - Sóc Sơn - Hà Nội	Không
2	Nguyễn Thị Tước	1952	Mẹ đẻ	Nông	Trung Giã - Sóc Sơn - Hà Nội	Không
3	Lê Thị Kim Vui	1977	Vợ	Giáo viên	223/8B - Hải Phòng - Thanh Khê - Đà Nẵng	Không
4	Hoàng Lê Nhật Linh	2005	Con ruột	Đang đi học	223/8B - Hải Phòng - Thanh Khê - Đà Nẵng	Không
5	Hoàng Lê Bảo Quyên	2014	Con ruột	Còn nhỏ	223/8B - Hải Phòng - Thanh Khê - Đà Nẵng	Không
6	Hoàng Văn Hường	1976	Em ruột	Nông	Trung Giã - Sóc Sơn - Hà Nội	Không
7	Hoàng Thị Minh Thanh	1978	Em ruột	Nông	Trung Giã - Sóc Sơn - Hà Nội	Không
8	Hoàng Thanh	1980	Em ruột	Nông	Trung Giã - Sóc Sơn - Hà Nội	Không
9	Hoàng Thị Liên	1983	Em ruột	Nông	Trung Giã - Sóc Sơn - Hà Nội	Không

18. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

19. Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không

20. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

### 12.2.3. Thành viên Ban Kiểm soát

1. Họ và tên: **Lê Ngọc Trường**

2. Giới tính: Nam

3. Ngày tháng năm sinh: 14/08/1973

4. Nơi sinh: Triệu Dương - Tỉnh Gia - Thanh Hóa

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Dân tộc: Kinh
7. Số CMND: 201650237 cấp ngày 26/11/2009 tại CA Đà Nẵng
8. Quê quán: Triệu Dương - Tỉnh Gia - Thanh Hóa
9. Địa chỉ thường trú: Tổ 55, Phường Khuê Trung - Quận Cẩm Lệ - TP.Đà Nẵng.
10. Số điện thoại liên lạc: 0983.101.922
11. Trình độ văn hoá: 12/12
12. Trình độ chuyên môn: Cử nhân khoa học (ngành Luật Học )
13. Quá trình công tác:

<b>Thời gian</b>	<b>Quá trình công tác</b>
1992-1992	B2 - Chiến sỹ c3,D40 BCHQS tỉnh Thanh Hóa
1992-1992	B1- Học viên Trường Quân sự Quân khu 4 ( học A trường )
1993-1994	H1, H2,H3 Tiểu đội trưởng, Trung đội phó huấn luyện chiến sỹ mới tại C3,D40, BCHQS Thanh Hóa ( Đảng viên tháng 7/1994 )
1994-1996	Xuất ngũ về địa phương tham gia sản xuất
1996-1998	Học viên Trường THXD cơ điện - Bộ NN&PTNT
1998-2000	LĐHĐ-Thợ XD Xí nghiệp 74 - Công ty 96 - Binh đoàn 11
2000-2002	LĐHĐ – Nhân viên phòng Chính trị Công ty 96 - Binh đoàn 11
2002-2005	CNVQP – Nhân viên phòng Chính trị Công ty 96 - Binh đoàn 11
2005-2007	U1CN - NV phòng Chính trị Công ty 96 - Binh đoàn 11
2008-2012	Phục viên- LĐHĐ - NV phòng Chính trị Công ty 96 - Binh đoàn 11
2012-2012	LĐHĐ - Phó phòng TC-HC Công ty XL Thành An 96 – BĐ 11
2012-Nay	PT.Trưởng phòng TC-HC Công ty CPXL Thành An 96- BĐ 11

14. Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng TC-HC Công ty CPXL Thành An 96
15. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
16. Số Cổ phần bản thân nắm giữ: 1.000 Cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02% vốn điều lệ.

Trong đó:

- + Cổ phần sở hữu cá nhân: 1.000 Cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02% vốn điều lệ.
- + Cổ phần đại diện sở hữu: 0 Cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

17. Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Mối quan hệ	Nghề nghiệp	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ
1	Lê Ngọc Thi	1940	Bố đẻ	Hưu trí	Triều Dương, Tỉnh Gia, Thanh Hóa	Không
2	Nguyễn Thị Cúc	1942	Mẹ đẻ	Làm ruộng	Triều Dương, Tỉnh Gia, Thanh Hóa	Không
3	Lê Thị Nga	1980	Vợ	Nội trợ	28 Đào Công Chính, Khuê Trung, Cẩm Lệ, Đà Nẵng	Không
4	Lê Ngọc Anh Phương	2003	Con đẻ	Học sinh	28 Đào Công Chính, Khuê Trung, Cẩm Lệ, Đà Nẵng	Không
5	Lê Ngọc Tấn Tài	2011	Con đẻ	Còn nhỏ	28 Đào Công Chính, Khuê Trung, Cẩm Lệ, Đà Nẵng	Không
6	Lê Ngọc Khoa	1966	Anh ruột	Làm ruộng	Triều Dương, Tỉnh Gia, Thanh Hóa	Không
7	Lê Ngọc Thông	1976	Em ruột	Lái máy	Chi nhánh Quảng Trị - Công ty 96	Không
8	Lê Thị Thảo	1981	Em ruột	Công nhân	Công ty CP may 28	Không

18. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

19. Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không

20. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

### 12.3. Danh sách Ban Giám đốc

#### 12.3.1. Giám đốc - Ông Hoàng Đức Trúc

- Xem thông tin tại mục 12.1.4



### 12.3.2. Phó Giám đốc – Ông Nguyễn Ngọc Huệ

- Xem thông tin tại mục 12.1.2

### 12.3.3. Phó Giám đốc – Ông Phạm Văn Lê

- Xem thông tin tại mục 12.1.3

### 12.3.4. Phó Giám đốc

1. Họ và tên: **Nguyễn Khắc Xuyên**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 07/03/1959
4. Nơi sinh: Vĩnh Hòa - Ninh Giang - Hải Dương
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Dân tộc: Kinh
7. Số CMND: 013176378
8. Quê quán: Vĩnh Hòa - Ninh Giang - Hải Dương
9. Địa chỉ thường trú: Số 5 Tập thể xà Phòng A - Thượng Đình - Thanh Xuân - Hà Nội
10. Số điện thoại liên lạc: 0982.516.064
11. Trình độ văn hoá: 10/10
12. Trình độ chuyên môn: Trung cấp kinh tế Tài chính
13. Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
2004-2006	Chỉ huy trưởng Công trường Miền Trung – Công ty xây lắp 96
2006-2009	Đội trưởng Đội trực thuộc số 2 – Công ty xây lắp 96
2009-2012	Giám đốc Chi nhánh Công ty CPXL Thành An 96 tại Quảng Trị
2013 - Nay	Phó Giám đốc Công ty CPXL Thành An 96 kiêm Giám đốc Chi nhánh Quảng Trị

14. Chức vụ công tác hiện nay: Phó giám đốc Công ty CPXL Thành An 96 kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty CPXL Thành An 96 tại Quảng Trị.

15. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

16. Số cổ phần bản thân nắm giữ: 96.856 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,89 % vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 96.856 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,89% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

17. Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

Những người có liên quan:

ST T	Họ và tên	Năm sinh	Mối quan hệ	Nghề nghiệp	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ
1	Nguyễn Khuê	1939	Bố đẻ	Nghỉ hưu	Vĩnh Hòa – Ninh Giang – Hải Dương	Không
2	Nguyễn Thị Xiết	1940	Mẹ đẻ	Nghỉ hưu	Vĩnh Hòa – Ninh Giang – Hải Dương	Không
3	Hà Thị Thúy	1970	Vợ	Nội trợ	05 TT Xà Phòng A, Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	Không
4	Nguyễn Thị Thu Thủy	1994	Con ruột	Đang đi học	05 TT Xà Phòng A, Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	Không
5	Nguyễn Anh Thư	1997	Con ruột	Đang đi học	05 TT Xà Phòng A, Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	Không
6	Nguyễn Hà Duy	2005	Con ruột	Đang đi học	05 TT Xà Phòng A, Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	Không
7	Nguyễn Thị Hiên	1960	Em ruột	Nông	Hồng Thái – Ninh Giang – Hải Dương	Không
8	Nguyễn Thị Dự	1965	Em ruột	Nông	Vĩnh Hòa – Ninh Giang – Hải Dương	Không
9	Nguyễn Thị Tho		Em ruột	Công nhân	Vĩnh Hòa – Ninh Giang – Hải Dương	Không
10	Nguyễn Thị Thơm	1968	Em ruột	Nông	Vĩnh Hòa – Ninh Giang – Hải Dương	Không
11	Nguyễn Học	1972	Em ruột	Nông	Vĩnh Hòa – Ninh Giang	Không

						– Hải Dương	
--	--	--	--	--	--	-------------	--

18. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

19. Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không

20. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

### 12.3.5. Kế toán trưởng – Bà Trịnh Thị thu Hương

- Xem thông tin tại mục 12.1.5

## 13. Tài sản

### ➤ Danh mục tài sản cố định của Công ty

#### Danh mục tài sản cố định tại ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>147.749.947.616</b>	<b>66.274.598.238</b>	<b>81.475.349.378</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	21.333.495.608	4.530.266.395	16.803.229.213
Máy móc thiết bị	76.415.964.527	33.770.065.582	42.645.898.945
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	49.483.197.590	27.694.806.951	21.788.390.639
Thiết bị, dụng cụ quản lý	517.289.891	279.459.310	237.830.581
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>4.030.000.000</b>	<b>744.285.715</b>	<b>3.285.714.285</b>
Quyền khai thác mỏ đá	4.000.000.000	714.285.715	3.285.714.285
Phần mềm kế toán	30.000.000	30.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>151.779.947.616</b>	<b>67.018.883.953</b>	<b>84.761.063.663</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của CTCP Xây lập Thành An 96)

#### Danh mục tài sản cố định tại ngày 31/03/2015

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>161.095.402.161</b>	<b>72.898.412.857</b>	<b>88.196.989.304</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	21.333.495.608	4.869.108.740	16.464.386.868
Máy móc thiết bị	89.761.419.172	37.813.788.269	51.947.630.803

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	49.483.197.590	29.909.067.605	19.574.129.985
Thiết bị, dụng cụ quản lý	517.289.891	306.448.243	210.841.648
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>4.030.000.000</b>	<b>887.142.858</b>	<b>3.142.857.142</b>
Quyền khai thác mỏ đá	4.000.000.000	857.142.858	3.142.857.142
Phần mềm kế toán	30.000.000	30.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>165.125.402.161</b>	<b>73.785.555.715</b>	<b>91.339.846.446</b>

(Nguồn: BCTC quý I năm 2015 của CTCP Xây lập Thành An 96)

➤ **Đất đai, nhà xưởng thuộc sở hữu của Công ty (thời điểm 31/03/2015)**

Tổng số diện tích đất Công ty đang thuê sử dụng là: 27.968 m<sup>2</sup>. Cụ thể như sau:

TT	Địa chỉ	Diện tích	Mục đích sử dụng	Tình trạng sở hữu
1	02 Nguyễn Văn Trỗi, phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	2.565	Trụ sở Công ty	Thuê của Bộ Quốc phòng: Thời hạn 49 năm kể từ năm 2007
2	88 Nguyễn Chánh, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng	3.786	Trụ sở Xí nghiệp 54, chi nhánh Đà Nẵng	Thuê của Bộ Quốc phòng: Thời hạn 49 năm kể từ năm 2007
3	Tổ 5, Khánh Sơn, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng	10.962	Trụ sở Xí nghiệp 33	Thuê của Bộ Quốc phòng: Thời hạn 49 năm kể từ năm 2007
4	Hẻm 96B, Trần Phú, phường Lộc Thọ, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	6.435	Trụ sở Xí nghiệp 74	Thuê của Bộ Quốc phòng: Thời hạn 49 năm kể từ năm 2007
5	273 phường Khương Hạ, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	4.220	Trụ sở Xí nghiệp 79	Thuê của Bộ Quốc phòng: Thời hạn 49 năm kể từ năm 2008

(Nguồn: CTCP Xây lập Thành An 96)

## 14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2014	Kế hoạch năm 2015	
		Giá trị	% +/- so với 2014
Vốn điều lệ	51.158	81.853	60%
Vốn chủ sở hữu	69.206	90.306	31%
Doanh thu thuần	1.551.268	1.840.818	19%
Lợi nhuận sau thuế	23.676	27.281	15%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	1,53%	1,48%	
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân	36,06%	34,21%	
Cổ tức (%)	25%	20%	

(Nguồn: CTCP Xây lập Thành An 96)

Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 của Công ty thông qua, tổng doanh thu của Công ty năm 2015 dự kiến là 1.840.818 triệu đồng, tăng 19% so với tổng doanh thu thực hiện năm 2014, Lợi nhuận trước thuế dự kiến là 34.976 triệu đồng, tăng 15% so với lợi nhuận trước thuế năm 2014.

### 14.1. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

- Trong năm 2014, Công ty đã ký kết được các hợp đồng thi công công trình có giá trị lớn, thời gian yêu cầu hoàn thành công trình trong năm 2015. Do đó, Công ty đã tập trung mọi nguồn lực nhằm hoàn thành công trình theo đúng tiến độ hợp đồng. Bên cạnh đó, Công ty cũng đang đấu thầu một số dự án có giá trị lớn trong quý I năm 2015.
- Ban lãnh đạo Công ty chủ động, linh hoạt mở rộng mối quan hệ với các đối tác, tìm kiếm việc làm, đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, thu hút cán bộ, công nhân kỹ thuật có trình độ, thay đổi công nghệ sản xuất.
- Tích cực đơn đốc, nghiệm thu, hoàn thiện hồ sơ thanh, quyết toán công trình, khối lượng công việc đã hoàn thành để thu hồi vốn kịp thời cho Công ty.

- Đối với các công trình sau khi ký hợp đồng với chủ đầu tư để triển khai thi công, Công ty có các quyết định giao nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng và giao khoán từng khoản mục chi phí cho Chi nhánh, Xí nghiệp đội trực thuộc.
- Công ty có những quy định cụ thể về quản lý các khoản mục chi phí như chi tiêu tiếp khách, điện nước, các chi phí khác và đảm bảo việc kiểm soát chi phí với mục tiêu tiết kiệm, không lãng phí nhưng vẫn đảm bảo phục vụ tốt cho sản xuất, sử dụng vốn có hiệu quả.

Theo đánh giá của Ban giám đốc, Công ty xây dựng kế hoạch doanh thu, lợi nhuận thận trọng và dựa trên các hợp đồng đã ký kết trong các năm trước đây và đang thực hiện, các hợp đồng vừa được ký kết trong quý I năm 2015. Ban giám đốc Công ty tin tưởng sẽ đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận đã đề ra.

#### 14.2. Kế hoạch đầu tư dự án đã được HĐQT, ĐHCĐ thông qua

- Không có

#### 14.3. Kế hoạch tăng vốn điều lệ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015 số 02/NQ – ĐHCĐ ngày 02/04/2015, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ gồm một số nội dung chính như sau:

1. **Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty cổ phần Xây lắp Thành An 96
2. **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
3. **Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/cổ phiếu
4. **Tổng số cổ phiếu đang lưu hành:** 5.115.800 cổ phiếu
5. **Tổng số cổ phiếu phát hành dự kiến:** 3.069.480 cổ phiếu
6. **Tổng số cổ phiếu sau phát hành:** 8.185.280 cổ phiếu
7. **Vốn điều lệ sau khi phát hành:** 81.852.800.000 đồng (*Tám mươi một tỷ, tám trăm năm mươi hai triệu, tám trăm nghìn đồng*)
8. **Đối tượng phát hành:** Cổ đông hiện hữu
9. **Thời gian phát hành:** Sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo quy định. Thời gian cụ thể sẽ do Hội đồng quản trị quyết định chính thức
10. **Phương thức phát hành:**
  - a. **Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức:**
    - **Số lượng phát hành:** 1.278.950 cổ phiếu
    - **Tổng giá trị phát hành tính theo mệnh giá:** 12.789.500.000 đồng
    - **Tỷ lệ:** 1: 0,25 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu cũ sẽ nhận được thêm 25 cổ phiếu mới).
    - **Nguồn phát hành:** Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2014
  - b. **Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:**
    - **Số lượng phát hành:** 1.790.530 đồng

- **Tổng giá trị phát hành tính theo mệnh giá:** 17.905.300.000 đồng
- **Tỷ lệ thực hiện quyền:** 1 : 0,35 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu cũ sẽ được nhận 35 cổ phiếu mới phát hành thêm.
- **Nguồn phát hành:** Quỹ đầu tư phát triển

#### 15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Trên cơ sở những thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 và những phân tích số liệu về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam xin đưa ra những đánh giá về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty như sau:

- Trong những năm vừa qua, Công ty luôn cố gắng đạt hoặc vượt các mục tiêu kế hoạch đã đề ra.
- Đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ, kinh nghiệm; trang thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh tiên tiến, hiện đại là những điều kiện tốt để Công ty hoạt động kinh doanh có hiệu quả.

Qua những đánh giá nhận xét như trên, nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Xây lắp Thành An 96 thì kế hoạch về lợi nhuận và cổ tức của Công ty đưa ra là khá hợp lý và mang tính khả thi.

*Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra với góc độ của một tổ chức tư vấn tài chính doanh nghiệp, dựa trên các thông tin chúng tôi đã thu thập và cách tính toán trên lý thuyết về lĩnh vực tài chính. Những nhận xét đánh giá của chúng tôi không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo của Công ty. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo.*

#### 16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

- Không có.

#### 17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty

- Không có.

## V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

### 1. Loại chứng khoán

- Cổ phiếu phổ thông

### 2. Mệnh giá

- 10.000 đồng/cổ phiếu

### 3. Mã chứng khoán

- TA9

### 4. Tổng số chứng khoán niêm yết

- 5.115.800 cổ phiếu

### 5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành

Căn cứ Điểm d Khoản 1 Điều 54 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 quy định. Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng Công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân đại diện nắm giữ.

Tổng số lượng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định trên là: 428.103 cổ phiếu, tương ứng với tổng giá trị cổ phiếu tính theo mệnh giá là 4.281.030.000 đồng chiếm 8,37% trên vốn điều lệ của Công ty. Cụ thể:

#### Danh sách cổ đông và số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu cam kết nắm giữ trong thời gian 06 tháng đầu kể từ ngày niêm yết	Số lượng cổ phiếu cam kết nắm giữ trong thời gian 06 tháng tiếp theo
1	Võ Cửu Long	Chủ tịch HĐQT	122.445	61.223
2	Nguyễn Ngọc Huệ	Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Giám đốc	35.000	17.500



3	Phạm Văn Lê	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc	60.113	30.057
4	Hoàng Đức Trúc	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty	51.654	25.827
5	Trịnh Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng	9.800	4.900
6	Nguyễn Khắc Xuyên	Phó Giám đốc	96.856	48.428
7	Đỗ Văn Thành	Trưởng Ban Kiểm soát	7.400	3.700
8	Hoàng Văn Khương	Thành viên Ban Kiểm soát	43.835	21.918
9	Lê Ngọc Trường	Thành viên Ban Kiểm soát	1.000	500
<b>Tổng cộng</b>			<b>428.103</b>	<b>214.053</b>

(Nguồn: CTCP Xây lắp Thành An 96)

## 6. Phương pháp tính giá

Giá cổ phiếu trong ngày giao dịch đầu tiên được xác định theo giá trung bình có tính đến trọng số của các phương pháp tính giá khác nhau.

### ❖ Giá trị sổ sách

Giá trị mỗi Cổ phần theo sổ sách kế toán được xác định bằng nguồn vốn chủ sở hữu theo sổ sách kế toán chia cho tổng số Cổ phần đang lưu hành tại cùng thời điểm.

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2014 và BCTC quý I năm 2015 của Công ty tính được giá trị sổ sách một Cổ phần của Công ty như sau:

### Giá trị sổ sách một cổ phần của CTCP Xây lắp Thành An 96

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015
Vốn Chủ sở hữu (đồng)	62.102.888.523	69.205.727.068	73.927.872.375
Số lượng cổ phần đang lưu hành (cổ phần)	5.115.800	5.115.800	5.115.800

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015
<b>Giá trị sổ sách một cổ phần (đồng/cổ phần)</b>	12.139	13.528	14.451

(Nguồn: Tính toán của VietinBankSc dựa trên số liệu BCTC kiểm toán 2014 và BCTC quý I năm 2015 của CTCP Xây lập Thành An 96)

❖ **Phương pháp so sánh hệ số giá trên thu nhập một cổ phiếu: Price/Earnings (P/E)**

Theo phương pháp này, giá trị sổ sách một cổ phiếu của Công ty được tính theo công thức:

$$P = EPS \times P/E_{bq}$$

Trong đó:

**P:** Giá trị 1 cổ phiếu (theo phương pháp P/E)

**EPS:** Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu

**P/E<sub>bq</sub>:** Được tính toán dựa trên tổng hợp P/E cơ bản của một số công ty cùng ngành có nhiều sự tương đồng nhất với Công ty Cổ phần Xây lập Thành An 96 hiện đang được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh/Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

❖ **Phương pháp so sánh hệ số giá thị trường trên giá ghi sổ: Price/Book value (P/B)**

Theo phương pháp này, giá trị 1 cổ phiếu của Công ty được tính bằng công thức:

$$P = BV \times P/B_{bq}$$

Trong đó:

**P:** Giá trị 1 cổ phiếu (theo phương pháp P/B)

**BV:** Giá trị sổ sách của mỗi cổ phiếu

**P/B<sub>bq</sub>** được tính toán dựa trên tổng hợp P/B cơ bản của một số công ty cùng ngành có nhiều sự tương đồng nhất với Công ty Cổ phần Xây lập Thành An 96 hiện đang được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh/Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

❖ **Các phương pháp khác**

*Trên cơ sở kết hợp các phương pháp tính giá trên, mức giá tham chiếu ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây lập Thành An 96 sẽ do Hội đồng quản trị thông báo bằng văn bản phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm niêm yết.*

## 7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam thay cho Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg ngày 29/09/2005 và Thông tư số 90/2005/TT-BTC ngày 17/10/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg, trong đó quy định tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của công ty cổ phần đại chúng.

Tại thời điểm ngày 28/02/2015, số lượng cổ phần sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại CTCP Xây lắp Thành An 96 là 0 cổ phần – tương ứng 0%.

## 8. Các loại thuế có liên quan

### Các loại thuế liên quan tới Công ty:

- Thuế GTGT của Công ty hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với mức thuế suất 10% trên giá tính thuế.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013, Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, mức thuế suất Thu nhập doanh nghiệp hiện đang áp dụng cho Công ty là 22% trên thu nhập chịu thuế.
- Thuế thu nhập cá nhân: hiện Công ty đang trích và nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định tại Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 và Luật số 26/2012/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân (“Luật Thuế thu nhập cá nhân”), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành (Nghị định 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013; Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế; Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 và các văn bản sửa đổi, bổ sung).
- Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại Việt Nam.

### Các loại thuế liên quan đến cổ đông, nhà đầu tư:

- Thuế thu nhập cá nhân: Theo hướng dẫn của Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 và Luật số 26/2012/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế

thu nhập cá nhân (“Luật Thuế thu nhập cá nhân”), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành (Nghị định 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013; Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế; Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 và các văn bản sửa đổi, bổ sung), thu nhập từ đầu tư vốn của nhà đầu tư cá nhân là đối tượng chịu thuế. Cụ thể, cổ tức của các cổ đông sẽ chịu mức thuế suất 5% tính trên số tiền cổ tức cổ đông nhận được, áp dụng đối với cả cá nhân cư trú tại Việt Nam và cá nhân không cư trú tại Việt Nam

- Theo quy định tại Khoản 7 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014, Thuế suất áp dụng đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán (bao gồm cả thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu) là 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần.

## **VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT**

### **1. Tổ chức kiểm toán**

- **Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam**

Trụ sở: Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, Số 235 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3873 2121

Fax: (84.4) 3873 2122

### **2. Tổ chức tư vấn**

- **Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam**

Trụ sở chính : Số 306 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 3556 2876

Fax: (84-4) 3556 2874

Chi nhánh: 49 Tôn Thất Đạm, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3820 9986

Fax: (84-8) 3820 9993

Website: [www.vietinbanksc.com.vn](http://www.vietinbanksc.com.vn)



## **VII. PHỤ LỤC**

- 1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh**
- 2. Phụ lục II: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán**
- 3. Phụ lục III: Điều lệ Công ty**
- 4. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 và Báo cáo tài chính quý I năm 2015**

